



KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 61 - Tháng 7/2017

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ (27/7/1947 - 27/7/2017)

Văn Hùng	Không chỉ thấp nhen nhang thơm và xây những tượng đài	2
----------	---	---

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Ross Campbell	Làm thế nào để đánh giá tính hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước?	3
---------------	---	---

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Hồng Nhung	Bài toán đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và vượt bẫy thu nhập trung bình	6
Hồng Anh	Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại DN: Kỳ vọng ở những quy định mới	9
Bắc Sơn	Nợ đọng xây dựng cơ bản: DN kêu cứu!	11
Thùy Anh	Làm thế nào để thu thuế người bán hàng qua Facebook?	14

CHUYÊN ĐỀ: KIỂM TOÁN DỰA TRÊN ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ XÁC ĐỊNH TRỌNG YẾU

Trần Phú Sơn	Việc đánh giá rủi ro chiếm phần lớn trong tổng thời gian thực hiện cuộc kiểm toán	17
Vũ Đức Nguyên	Kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro, xác định trọng yếu: kinh nghiệm từ Deloitte	20
Nguyễn Đăng Huy	Kiểm toán viên độc lập đối với việc phát hiện gian lận và sai sót trong kiểm toán báo cáo tài chính	22
Ngô Minh Kiểm	Bài học kinh nghiệm từ cuộc kiểm toán thí điểm	25
Lê Huy Trọng và Lại Hương Thảo	Nhận diện rủi ro tiềm tàng trong huy động các nguồn lực tài chính cho Chương trình Xây dựng nông thôn mới	27

TRAO ĐỔI

Đặng Anh Tuấn	Khoảng trống và mâu thuẫn trong cơ chế tài chính đối với các ban quản lý xây dựng	29
Minh Anh	Vai trò mới của nghề kế toán trong thời đại số hóa	32

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Thùy Lê	Kết quả kiểm toán năm 2015: Thu NSNN vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế	35
---------	--	----

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Thanh Xuyên	IRBA thực hiện nhiều biện pháp cải thiện hoạt động kiểm toán	38
-------------	--	----

VĂN HÓA VĂN NGHỆ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH

Đỗ Hồng Công

ĐT: (024) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Mai Hải Đường

ĐT: (024) 62820711

TRỤ SỞ

79 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn

ĐT: (024) 62820721

Fax: (024) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BẢO CHỈ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012

của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ

Không chỉ thấp nén nhang thơm và xây những tượng đài

 **VĂN HÙNG**

Việt Nam là một trong những quốc gia phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm để giải phóng đất nước và bảo vệ nền hòa bình độc lập, tự do cho dân tộc. Nhiều thập kỷ qua, dân tộc Việt Nam đã vượt qua những đau thương mất mát to lớn của chiến tranh để “đem sức ta mà xây dựng cho ta”. Hệ lụy của chiến tranh còn đeo đẳng nhiều thế hệ người Việt Nam. Các thế hệ hôm nay luôn thấu hiểu cái giá hy sinh máu xương để có hòa bình của cha anh mình. Đời này qua đời khác, họ luôn truyền lại lời dạy: Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây. Lời dạy ấy cũng được xem là triết lý giáo dục của người Việt Nam. Sau chiến tranh, kể cả lúc đất nước còn muôn vàn khó khăn cũng như hôm nay, hoạt động về nguồn, tưởng nhớ đến gia đình liệt sĩ, thương binh, những người có công với cách mạng luôn được cả hệ thống chính trị và xã hội quan tâm. Nhiều chủ trương, chính sách mang tầm chiến lược của Đảng, Nhà nước được ban hành và nỗ lực triển khai trên thực tế. Điều này thể hiện trách nhiệm, ý thức chính trị của người đang sống đối với những người xả thân vì sự nghiệp cách mạng. Chăm lo cho phần mộ của liệt sĩ, tiếp tục triển khai hoạt động tìm kiếm, quy tập hài cốt của 200.000 liệt sĩ ở các chiến

trường trong và ngoài nước và 3.000 liệt sĩ chưa rõ danh tính; chăm sóc các đối tượng là thương binh, gia đình thương binh, thân nhân liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng trở thành công việc hàng ngày của nhiều tổ chức, cá nhân. Cho dù sự bù đắp vật chất và tinh thần ấy không bao giờ xứng với những hy sinh, mất mát nhưng những hoạt động đền ơn đáp nghĩa vẫn có ý nghĩa chính trị quan trọng, đầy giá trị đạo đức, xã hội, nhân văn.

Có người đặt vấn đề: đất nước phải luôn sẵn sàng trong tâm thế đối mặt với giặc ngoại, nếu bây giờ chiến tranh xảy ra, các thế hệ hôm nay liệu có sẵn sàng xả thân vì đất nước, dân tộc như cha anh họ? Truyền thống chống giặc ngoại xâm vẫn được giữ vững và phát huy, nhưng để điều đó thành hiện thực vững chắc, cần phải có thêm nhiều việc làm thiết thực bù đắp cho thương binh, gia đình liệt sĩ cùng những người thân của họ. Biết ơn không chỉ đơn giản là thấp những nén nhang thơm, những lời nói, xây nên những tượng đài hoành tráng mà hơn thế hãy chăm lo chu đáo, cụ thể cho thương binh, liệt sĩ- những người thân của họ về sức khỏe, việc làm, điều kiện để họ tự lập phát triển kinh tế, lo cho chính bản thân mình.

Có đôi lúc, chúng ta không khỏi phiền lòng khi phải chứng

kiến và xử lý một số vụ việc tiêu cực liên quan đến việc thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ. Đã có sự thiếu trách nhiệm của ai đó trong quá trình thực thi trách nhiệm, gây lãng phí, thất thoát ngân sách dành cho công tác đền ơn đáp nghĩa; đã từng có sự lãng quên hay thờ ơ với những người đã khuất và những người tận hiến cuộc đời mình cho hòa bình, độc lập dân tộc...

Trở thành nét đẹp truyền thống, cứ đến tháng bảy hàng năm, nhiều hoạt động tri ân anh hùng, liệt sĩ, gia đình có công với dân, với nước lại diễn ra ở nhiều địa phương trên cả nước. Những nén nhang thơm, những cuộc tìm kiếm hài cốt thành công, đưa các anh, các chị về nơi yên nghỉ với người thân, những cuộc tìm kiếm, quy tập mộ liệt sĩ còn tiếp tục ở sân bay Tân Sơn Nhất hay đâu đó; những hoạt động chăm lo cho cuộc sống, công ăn việc làm của thương binh, người thân liệt sĩ, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng đã trở thành nghĩa cử cao đẹp của nhiều tổ chức xã hội, cá nhân hướng về ngày Giỗ thiêng liêng này.

Bất chợt tôi lại nhớ đến ca từ, giai điệu đẹp của một bài hát nổi tiếng về người thương binh - Vết chân tròn trên cát: ...“Vết chân tròn vẫn đi về trên con đường

(Xem tiếp trang 5)

Làm thế nào để đánh giá tính hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước?

Ông Ross Campbell - Giám đốc lĩnh vực công,
Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales
chia sẻ những kinh nghiệm kiểm toán tại Vương quốc Anh

Thưa ông, đối với một cơ quan kiểm toán nhà nước, công tác lập kế hoạch kiểm toán và xây dựng các tiêu chí lựa chọn cuộc kiểm toán luôn đóng một vai trò rất quan trọng. Xin ông cho biết, tại Vương quốc Anh, quá trình này được thực hiện như thế nào?

Hàng năm, Cơ quan Kiểm toán quốc gia của Vương quốc Anh sẽ lập kế hoạch kiểm toán bằng cách xem xét lựa chọn và xây dựng danh sách các hạng mục ưu tiên để thực hiện kiểm toán. Chẳng hạn, năm 2016 chúng tôi lựa chọn 6 cuộc kiểm toán trong khi danh sách có khoảng 30-40 cuộc, do đó chúng tôi phải lập thứ tự ưu tiên cho những cuộc kiểm toán này. Tổng Kiểm toán là người có tiếng nói cuối cùng khi ông ấy phê duyệt kế hoạch kiểm toán.

Tiêu chí lựa chọn các cuộc kiểm toán phụ thuộc vào nhiều yếu tố: thứ nhất là liên quan đến giá trị, thứ hai là sự tác động tới công chúng. Ngoài ra, chúng tôi cũng ưu tiên đối với những vấn đề mà công chúng quan tâm. Ví dụ, khi người dân phản ánh về một vụ bê bối hay đại biểu Quốc hội yêu cầu theo dõi một vụ việc thì tầm quan trọng của vấn đề



đó sẽ được đặt cao hơn. Tuy nhiên, điều này cũng không diễn ra thường xuyên.

Về cơ bản, tiêu chí lựa chọn cuộc kiểm toán là những bộ tiêu chí chuẩn, phụ thuộc vào một số thông tin chính như: quy mô, tính chất của cuộc kiểm toán... Đây là những yếu tố hết sức quan trọng nhưng là tiêu chí chung, không phải tiêu chí cụ thể.

Thực tế cho thấy, so với việc đánh giá hiệu quả một chương trình, một dự án thì việc đánh giá hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước bao giờ cũng khó khăn hơn. Ông có thể chia sẻ một vài kinh nghiệm về vấn đề này không?

Theo tôi, có thể đánh giá hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của một cơ quan, tổ chức dựa trên những yếu tố sau:

Thứ nhất, xem xét các hoạt động thực tiễn mang tính tiêu chuẩn của cơ quan, tổ chức đó. Ví dụ, khi một tổ chức xây dựng kế hoạch và các chỉ số KPI (hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả công việc), các báo cáo hiệu quả hoạt động hàng năm của tổ chức sẽ được xây dựng trên cơ sở kế hoạch và các chỉ số KPI này. Cơ quan kiểm toán nhà nước có thể đánh giá dựa trên báo cáo hiệu quả hoạt động hàng năm của tổ chức đó. Đây là một cách.

Thứ hai, chúng ta có thể đánh giá ban quản trị, nhóm

quản lý hay ban điều hành của cơ quan, tổ chức theo các tiêu chí sau: Một là, những người được bầu vào ban quản trị có đủ tư cách đại diện cho các hoạt động, các lĩnh vực hay chức năng của cơ quan, tổ chức? Hai là, họ có thường xuyên trao đổi, bàn bạc? Nếu các thành viên trong ban quản trị thậm chí còn chưa gặp nhau thì không thể nói tổ chức đó hoạt động hiệu quả. Ba là, các quyết định của ban lãnh đạo có được ghi nhớ một cách chính xác, kịp thời bằng biên bản? Bốn là, có bằng chứng cho thấy những hoạt động cụ thể sau mỗi cuộc họp, cuộc trao đổi hay kiến nghị không? Tôi nghĩ, có thể xem xét những chứng cứ này để đánh giá tính hiệu quả của ban quản trị hay ban điều hành của một cơ quan, tổ chức.

Trong thực tế, những mô hình quản trị DN có thể áp dụng cho các cơ quan nhà nước. Ở Anh, chúng tôi đã từng gửi Luật Quản trị DN cho các cơ quan của Chính phủ với hy vọng các cơ quan này áp dụng một phần những mô hình của DN. Ví dụ, hội đồng quản trị DN có những thành viên không điều hành, những thành viên này đảm nhận vai trò tư vấn độc lập cho hoạt động của công ty. Ban kiểm soát cũng được lãnh đạo bởi một thành viên không điều hành, có bộ phận kiểm toán nội bộ. DN có thể đẩy mạnh kiểm toán nội bộ bằng cách phối hợp với kiểm toán độc lập. Đây là những kinh nghiệm tốt mà các cơ quan nhà nước nên áp dụng từ các mô hình quản trị của DN. Cơ quan kiểm toán nhà nước cần kiến nghị điều này đối với chính phủ



cũng như quốc hội để đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả của công tác quản trị.

Vâng, đó rõ ràng là những kinh nghiệm tốt, thế nhưng trên thực tế, việc thuyết phục một cơ quan nhà nước áp dụng thông lệ của DN thường không dễ dàng, nếu không muốn nói là rất khó khăn, thưa ông?

Đúng là để thực hiện được điều này không dễ. Ở Anh, chúng tôi cũng mất rất nhiều thời gian và công sức để thuyết phục Chính phủ áp dụng. Một trường hợp cụ thể, trong những năm 1980, sau khi Chính phủ cũ không tự quản và chi quá nhiều khoản không hợp lý thì Chính phủ mới xuất hiện với nhiều đại diện là doanh nhân. Vấn đề đặt ra, liệu có thể coi Chính phủ mới như một loại hình công ty đặc biệt và áp dụng những quy tắc trong kinh doanh hay không? Với kinh doanh, DN phải thu hút vốn và tạo niềm tin cho nhà đầu tư bằng cách liên tục nâng cấp các tiêu chuẩn chất lượng để đảm bảo không có sự cố xảy ra. Nếu có sự cố nào đó khiến đầu tư suy giảm thì rõ ràng DN sẽ mất tiền.

Trường hợp chính phủ cũng tương tự như vậy. Với tư cách là người đóng thuế, người dân có

quyền hy vọng, kỳ vọng chính phủ sẽ hoạt động hiệu quả như DN. Tuy nhiên, Chính phủ cũ của Anh lúc đó đã tiêu rất nhiều nguồn vốn công (tiền của dân chúng). Người dân đặt rất nhiều dấu hỏi về sự lãng phí tiền của nhà nước trong các dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng, thông tin... Chính phủ cũ có khi chi đến 1 tỷ USD nhưng cũng không mang lại điều gì mới mẻ. Tình trạng đó dẫn đến rất nhiều phản kháng, đặc biệt là đối với các cơ quan cung cấp dịch vụ công. Cuối cùng, Chính phủ mới gồm rất nhiều thành phần là doanh nhân đã thống nhất được với người dân về cách xử lý. Dần dần, chúng tôi cũng áp dụng được những tiêu chuẩn trong quản trị DN vào hoạt động của Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ.

Ở Anh có một câu nói: “Đừng để phí những trường hợp xảy ra khủng hoảng”, hay như ở Việt Nam có câu: “Thất bại là mẹ của thành công”. Tức là, khi khủng hoảng xảy ra và có tình trạng lãng phí của công, chúng ta cần xem xét nguồn gốc của vấn đề để nhân cơ hội này yêu cầu đổi mới. Cần phải tận dụng cơ hội mang lại từ những thất bại hay khủng hoảng để có thể cải tổ và thay đổi.

Vậy thưa ông, để chính phủ có thể nâng cao trách nhiệm giải trình cũng như nâng cao trách nhiệm trong sử dụng nguồn lực công, nên chăng, các cơ quan nhà nước phải có báo cáo hiệu quả thường niên và có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí KPI của từng cơ quan?

Tôi nghĩ, đây là một ý kiến

hay, mặc dù việc này sẽ khiến các cơ quan của chính phủ tăng thêm áp lực công việc. Về dài hạn, nó sẽ rất tốt. Chúng ta cũng biết, sức khỏe chung của nền kinh tế có mối quan hệ tất yếu với sức mạnh của chính phủ. Cũng như muốn thu hút vốn đầu tư, DN phải tạo được niềm tin cho nhà đầu tư. Một cơ quan của chính phủ muốn thu hút được nhiều nhà đầu tư bên ngoài vào thị trường thì trước hết phải tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế về tính minh bạch trong các điều khoản của chính phủ và những người điều hành đất nước.

Giải pháp cho vấn đề này là tăng cường hơn nữa tính minh bạch. Khi đánh giá tình hình của một quốc gia, các tổ chức xếp hạng quốc tế thường xem xét các yếu tố khác nhau như: quy định về pháp luật, các hoạt động tài chính, khả năng chịu đựng những cú sốc, tính hiệu quả trong hoạt động của chính phủ... Bởi vậy, sớm hay muộn, nếu muốn có một nền kinh tế phát triển, chính phủ phải đảm bảo được tính minh bạch.

Trên đây, ông có nhắc đến việc kiểm toán viên phải rất khó khăn để thuyết phục Chính phủ Anh áp dụng những thông lệ tốt của DN. Vậy đối với những kiến nghị kiểm toán nói chung, các đơn vị được kiểm toán tại Anh thường thực hiện và sử dụng như thế nào, thưa ông?

Tôi không nghĩ Vương quốc Anh là nước thực hiện tốt các kiến nghị kiểm toán, vấn đề này tùy thuộc vào từng lĩnh vực. Nếu đó là lĩnh vực có sự tham gia của các Ủy ban của Quốc hội - nơi hoạt động rất chủ động và tích cực, thì việc chấp hành thực hiện kiến nghị kiểm toán sẽ tốt hơn. Thường thì khi cơ quan Kiểm toán quốc gia tiến hành rà soát, đánh giá và đưa ra kiến nghị, các đơn vị được kiểm toán có ý kiến tiếp thu, một năm sau đó họ sẽ báo cáo về tình hình thực hiện.

Cơ chế chính thống của việc thực hiện kiến nghị kiểm toán tại Anh là: sau khi công bố báo cáo kiểm toán, cơ quan Kiểm toán quốc gia có cuộc trao đổi, thảo luận với cơ quan của Quốc hội (hoạt động độc lập). Cơ quan này sẽ viết báo cáo trình

Chính phủ và yêu cầu Chính phủ trả lời báo cáo đó. Thông thường, Chính phủ không nhất thiết phải thực hiện theo đúng kiến nghị mà tùy thuộc vào từng trường hợp. Đối với cơ quan chịu trách nhiệm đang hoạt động tốt và đủ mạnh, sau khi chúng tôi tham vấn ý kiến, Chính phủ sẽ yêu cầu cơ quan đó triển khai thực hiện kiến nghị kiểm toán.

Trong vấn đề thực hiện kiến nghị kiểm toán, có một quốc gia đã tạo cho tôi ấn tượng rất tốt, đó là Hàn Quốc. Cách đây hơn 1 năm, khi đến thăm Hàn Quốc, tôi thấy vai trò của cơ quan kiểm toán ở đây rất mạnh. Các cơ quan của Chính phủ Hàn Quốc buộc phải có trách nhiệm về mặt pháp lý trong việc thực hiện kiến nghị kiểm toán. Nếu không chấp hành, các cơ quan này có thể bị mất phí và phải chịu phạt. Tôi cho rằng, vai trò và sức mạnh của cơ quan kiểm toán ở Hàn Quốc là điều mà Vương quốc Anh cần phải học tập.

Trân trọng cảm ơn những chia sẻ của ông!■

XUÂN HỒNG (thực hiện)

Không chỉ thấp nén nhang thơm...

(Tiếp theo trang 2)

mòn cát trắng quê tôi. Anh thương binh vẫn đến trường làng, vẫn ôm đàn dạy các em thơ bài hát quê hương...". Cảm ơn nhạc sĩ tài hoa đã phác họa hình ảnh người thương binh thật lãng mạn bằng nét bút âm nhạc đầy cảm xúc để nói về những mất mát sau chiến tranh, niềm lạc quan sâu sắc của người lính trở về sau cuộc chiến. Họ đã hy sinh, đã mang thương tật nhưng vẫn biết chấp nhận cuộc sống thực tại để vươn lên bằng nghị lực sống với tinh thần tàn mà không phé.

Ngày kỷ niệm 27/7 cũng là ngày để chúng ta

nhắc lại thông điệp: hãy loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống con người! Hãy không bị động trước những biến cố của thời cuộc; biết ứng xử khôn khéo để bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc bởi các thế hệ cha anh mình phải mất nhiều thập kỷ mới giành lại được.

Anh giải phóng quân ngã xuống, hy sinh trên đường băng sân bay Tân Sơn Nhất đã trở thành dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ 20. Tên anh đã thành tên đất nước. Cảm xúc ấy lại ứa về trong tôi trong những ngày kỷ niệm thiêng liêng này.■

Bài toán đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và vượt bẫy thu nhập trung bình

 **HỒNG NHUNG**

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2017 ước tính tăng 5,73% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%, quý II tăng 6,17%. Như vậy, kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm đã cho thấy những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên mục tiêu tăng trưởng cả năm đạt 6,7% vẫn là một thách thức lớn.

Các chuyên gia lo ngại, nếu GDP cả năm 2017 không đạt 6,7% thì đây là năm thứ 2 liên tiếp chúng ta không đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Sự chững lại về tăng trưởng của Việt Nam được cho là quá sớm, khiến nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình ngày càng rõ nét hơn. Qua kinh nghiệm của nhiều nước, để có thể tăng gấp đôi GDP trong vòng khoảng 10 năm, trung bình tăng trưởng kinh tế các năm phải trên 7%.

Nguy cơ tụt hậu và mắc bẫy thu nhập trung bình

Bước ra khỏi chiến tranh, Việt Nam là một trong những nước nghèo nhất thế giới, nhờ kết quả của quá trình Đổi mới, nước ta đã có những bước tiến rõ rệt: Từ năm 2000 đến nay, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình khoảng 6,4%/năm, tỷ lệ đói nghèo giảm xuống dưới 3% so với mức khoảng 50% đầu những năm 1990. Đặc biệt từ năm 2008, Việt Nam chính thức vượt qua mức GDP bình quân đầu người 1.000 USD và bước vào ngưỡng nước có thu nhập trung bình.

Tuy nhiên, giáo sư Kenichi Ohno - Viện Nghiên cứu chính sách công Nhật Bản vẫn đưa ra sự đánh giá khá dè dặt. Theo ông, “so

với cách đây 20 năm, cơ cấu kinh tế Việt Nam hiện nay có thay đổi nhưng nhìn kỹ lại không rõ”.

Thực tế cho thấy, tốc độ tăng trưởng hiện nay của Việt Nam có một phần đóng góp quan trọng từ nguồn lực bên ngoài chứ chưa phải nội lực thực tại của nền kinh tế. Hiện, 65% các mặt hàng xuất

khẩu của Việt Nam là hàng chế tạo, chế biến nhưng phần nhiều thuộc khu vực FDI, còn DN trong nước vẫn chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng với giá trị gia tăng không cao như dệt may, da giày, nông sản...

Phát biểu tại Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2017 mới đây, Trưởng ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Văn Bình thẳng thắn: Việc chúng ta cần làm và làm ngay là đánh giá lại mức độ bền vững của những lợi thế so sánh thường nhắc tới như nhân công lao động dồi dào, giá rẻ... trong bối cảnh giai đoạn dân số vàng chỉ tồn tại ngắn ngủi khoảng 10 năm nữa và sự cạnh tranh ngày một gia tăng từ các quốc gia với chi phí sản xuất thấp hơn.

Bẫy thu nhập trung bình là tình trạng phát triển kinh tế khi quốc gia đạt đến một mức thu nhập bình quân nhất định (do những lợi thế sẵn có) và giậm chân tại mức thu nhập ấy mà không thể vượt qua ngưỡng đó để trở nên giàu có hơn.

Ông Bình dẫn ra câu chuyện của Nhật Bản những năm 1960, sau Thế chiến thứ II, Thủ tướng Nhật Bản lúc bấy giờ là ông Hayato Ikeda đã đề ra “Kế hoạch tăng gấp đôi thu nhập trong vòng 10 năm” - một mục tiêu được đánh giá là bất khả thi tại thời điểm đó. Tuy nhiên, với các giải pháp chính sách đồng bộ, tập trung phát triển công nghiệp, thúc đẩy tự do hóa thương mại, đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ và đặc biệt là giáo dục, Nhật Bản đã tạo ra giai đoạn “những năm 60 vàng” khi chỉ trong 6 năm, GDP đã tăng gấp đôi. Bên cạnh đó, cũng có trường hợp ngược lại. Những năm 1950, có quốc gia từng là nền kinh tế phát triển thứ hai châu Á, nhưng do lựa chọn chính sách chuyển trọng tâm khỏi nông nghiệp để phát triển dịch vụ, bỏ qua công nghiệp hóa, nước này đã lần lượt bị Thái Lan hay Malaysia vượt qua.

Vì thế, “có khi chỉ một sai lầm hay thiếu quyết tâm trong lựa chọn chính sách, cả nền kinh tế phải trả giá bằng nhiều năm, nhiều thập kỷ và thậm chí sẽ không bao giờ vượt qua được bẫy thu nhập trung bình”. Ông Bình khẳng định.

Theo số liệu thống kê của Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD), trong số 113 nước, vùng lãnh thổ thuộc nhóm thu nhập trung bình vào năm 1960, đến nay chỉ có 13 nền kinh tế vượt thành công bẫy thu nhập trung bình và trở thành những nền kinh tế có thu nhập cao, tiêu biểu là Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...

TS. Nguyễn Xuân Thành - Đại học Fulbright Việt Nam - bày tỏ sự quan ngại: cuối năm 2015,



Chính phủ đã đề ra mục tiêu tăng trưởng cho năm 2016 là 6,7%, kết quả cuối cùng chỉ là 6,21%. Cuối năm 2016, Chính phủ vẫn kiên quyết đưa ra mục tiêu 6,7% cho năm 2017, nhưng với kết quả 5,1% trong quý 1 thì ba quý còn lại phải đạt bình quân 7%.

Ông Thành nhận định: Kế hoạch trung hạn 5 năm cũng đặt ra mục tiêu tăng trưởng từ 6,5-7%. Năm 2016 đã không đạt, nếu năm 2017 tiếp tục như thế nữa thì những năm còn lại chúng ta sẽ phải tăng tốc nhanh. Đó là sức ép lớn để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong trung hạn. Về dài hạn, mắc bẫy thu nhập trung bình và nguy cơ tụt hậu là có thực. Báo cáo Việt Nam 2035 chỉ ra, nếu tăng trưởng bình quân đạt dưới 6% thì 20 năm nữa Việt Nam vẫn thua nhiều nền kinh tế châu Á ngày hôm nay.

Về vấn đề này, GS. Jay Rosengard - Trưởng Chính sách công Kennedy, Đại học Harvard - cho rằng, điều quan trọng ở đây là chất lượng tăng trưởng. Việt Nam có tiềm năng rất lớn và đang có lợi thế cạnh tranh hơn các đối thủ khác nhưng cũng tồn tại những điểm nghẽn, nhất là

năng suất thấp đang làm lợi thế cạnh tranh về dân số và lao động giảm đi.

Biện pháp nào có thể thúc đẩy tăng trưởng?

“Vây, Việt Nam cần làm gì để giải quyết bài toán phát triển kinh tế nhanh, bền vững trong trung và dài hạn, vượt qua bẫy thu nhập trung bình cũng như sớm trở thành “một con hổ mới” của kinh tế châu Á?” - Trưởng ban Kinh tế Trung ương nêu câu hỏi.

GS. Jay Rosengard cũng đặt nghi vấn: Liệu Việt Nam có trở nên giàu có trước khi dân số già đi hay không? Việt Nam phải tận dụng lợi thế dân số trẻ như thế nào?

Bất chấp quyết tâm của Chính phủ giữ mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% trong năm nay, nhiều chuyên gia cho rằng, đây chỉ là mục tiêu điều hành, thực tế tăng trưởng GDP của Việt Nam đang phụ thuộc rất nhiều vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

TS. Nguyễn Xuân Thành kiến nghị: Lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng thương mại thông qua xử lý nợ xấu và nâng vốn chủ sở hữu phải là ưu tiên chính sách

hàng đầu. Trong trung hạn, thay vì đòi đất lấy hạ tầng khiến cho hoạt động không minh bạch, làm tăng nợ công, có thể đổi phương thức huy động vốn cho đầu tư công. Đó là, chấp nhận cho các địa phương đầu tư cơ sở hạ tầng bằng trái phiếu công trình, đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, Nhà nước không bảo lãnh thì không gánh nợ công; tiến hành đấu thầu cạnh tranh, hạ tầng đầu tư xong thì giá trị càng cao và thực hiện đấu giá đất, thu tiền về và sẽ trả nợ trái phiếu. Như vậy, vừa đầu tư cơ sở hạ tầng, không làm tăng nợ công mà vẫn đảm bảo minh bạch. Trong dài hạn, có thể nghĩ tới cải cách thuế, đặc biệt là thuế bất động sản để đầu tư hạ tầng tại địa phương, sử dụng hình thức PPP và cải cách thể chế để nâng cao hiệu quả đầu tư công.

Về mặt thương mại, chuyên gia Kinh tế trưởng Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam Sebastian Eckardt đề nghị, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, Việt Nam cần tập trung thực hiện các biện pháp hỗ trợ thương mại, thực hiện các hiệp định thương mại tự do để tạo đà tốt cho phát triển.

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương Nguyễn Đình Cung cũng đưa ra phương án: ngoài ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, thực hiện bằng được kỷ luật ngân sách và tài khóa, ít nhất là đóng băng chi thường xuyên hoặc cắt giảm vài điểm % chi thường xuyên, chúng ta nên tập trung vào những ngành, lĩnh vực sản xuất có thể tăng năng suất lao động, tạo thuận lợi thúc đẩy giải ngân FDI và ODA đã cam kết...

Còn theo TS. Trần Văn Lực, có ba giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà không dựa vào khai thác dầu thô hay các tài nguyên:

Thứ nhất, kích thích tiêu dùng vì tiêu dùng trong nước chiếm khoảng 75% tổng GDP năm 2016 với tổng giá trị khoảng 3,8 triệu tỷ đồng/năm, trong khi GDP là 4,5 triệu tỷ đồng. Như vậy, chỉ cần kích cầu tiêu dùng tăng thêm 1% thì nước ta có thêm khoảng 38.000 tỷ đồng, gấp 4 lần so với xuất khẩu 1 triệu tấn dầu (tương đương 9.200 tỷ đồng).

Thứ hai, đẩy mạnh khai thác tiềm năng du lịch. Năm ngoái, du lịch đóng góp 35.000 tỷ đồng. Nếu năm nay làm tốt, du lịch có thể tăng thêm khoảng 30%, chúng ta sẽ có thêm khoảng 7.000 đến 8.000 tỷ đồng.

Thứ ba, Việt Nam đã có 61.000 DN tư nhân được thành lập sau một năm, nhưng để nuôi dưỡng những DN này phát triển là cả một vấn đề, bởi vậy, cần phải quyết liệt hơn trong cải thiện môi trường kinh doanh, nuôi dưỡng DN. ■

Bổ sung quy định về trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước

Tại cuộc họp báo chuyên đề của Bộ Tài chính mới đây, Phó Cục trưởng Cục Tài chính DN Đặng Quyết Tiến cho biết, tiến độ cổ phần hóa (CPH) và thoái vốn tại các DNNN đang bị chậm lại. Tính đến giữa tháng 6/2017, mới có 19 DN được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án CPH.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tính đến cuối tháng 5/2017, các tập đoàn, tổng công ty đã thoái được 3.445 tỷ đồng và thu về 14.806 tỷ đồng. Tuy nhiên, con số thu về này phần lớn là nhờ việc bán vốn tại Vinamilk đã được thực hiện từ cuối năm ngoái (hơn 11.000 tỷ đồng).

Theo đại diện Bộ Tài chính, nguyên nhân của tình trạng này là do quá trình thực hiện CPH có nhiều nội dung phức tạp, nhất là việc xác định giá trị DN. Tại các DNNN có quy mô lớn, việc bóc tách các vấn đề khi CPH sẽ đụng chạm trách nhiệm lãnh đạo DN qua các thời kỳ và chính lãnh đạo DN hiện tại. Vì thế, người đứng đầu DN có tâm lý e ngại, né tránh trách nhiệm, trông chờ vào cơ chế, chính sách mới. Ngoài ra, nguyên nhân khách quan là do thị trường chưa hấp thụ tốt cũng dẫn đến việc nhiều DN chưa bán được vốn.

Để tăng cường xử lý trách nhiệm thu vào NSNN phần cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước, tránh trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định để lại DN và điều chỉnh tăng vốn điều lệ, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định: Người đại diện vốn nhà nước tại DN có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước phải báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu, sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu đã thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (tương tự quy định đối với người đại diện vốn nhà nước tại DN là ngân hàng thương mại cổ phần tại Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ và thực tế điều hành việc này của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn tại một số DN cổ phần thời gian qua).

Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Kỳ vọng ở những quy định mới

 HỒNG ANH

Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại DN đã được Quốc hội khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015. Để hướng dẫn thi hành Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào DN và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại DN (Nghị định 91). Tuy nhiên, qua gần 2 năm triển khai, việc thực hiện Nghị định này đã phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 91 với nhiều điểm mới đáng chú ý.

Quy định rõ các nguyên tắc chuyển nhượng vốn nhà nước

Bộ Tài chính đề nghị: Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn được thực hiện thông qua DN có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại DN khác bao gồm cả giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao, quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của DN khác theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn. Việc sử dụng giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn.

Bên cạnh đó, Dự thảo Nghị định cũng quy định rõ các nguyên tắc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại DN khác. Cụ thể:

Một là, việc chuyển nhượng vốn nhà nước phải đúng tiêu chí phân loại DNNN, DN có vốn nhà nước và danh mục DNNN thực hiện sắp xếp theo giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

không thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được Nhà nước đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước quy định tại Điều 12 Nghị định 91; chuyển nhượng vốn DNNN đầu tư ra ngoài phải gắn với đề án tái cơ cấu DNNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trên cơ sở đề án tái cơ cấu DNNN chung do Thủ tướng Chính phủ ban hành trong từng giai đoạn (hiện tại là Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 phê duyệt Đề án tái cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020).

Hai là, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại công ty cổ phần không phải là chào bán thêm cổ phần ra công chúng và không áp dụng quy định về điều kiện chào bán, đăng ký chào bán chứng khoán (cổ phiếu) đối với công ty đại chúng.

Ba là, việc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN tại ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định này, đối với người nhận chuyển nhượng trước khi trở thành người sở hữu phần vốn nhà nước/vốn của DNNN chuyển nhượng tại các ngân hàng thương mại cổ phần phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Chủ sở hữu có vốn chuyển nhượng chịu trách nhiệm công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng

cho nhà đầu tư biết khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

Bốn là, nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp khi cơ quan đại diện chủ sở hữu/DNNN thực hiện chuyển nhượng vốn phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ tại DN có cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến mua cổ phần, phần vốn góp tại DN Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Năm là, hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty của DNNN, cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết những tồn tại vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước theo nhiều phương thức

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 02/02/2017 và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017, quá trình rà soát các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến chuyển nhượng vốn và thực tiễn quá trình thoái vốn nhà nước/vốn của DNNN tại các DN khác, Bộ Tài chính đã nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nội dung đã quy định tại Điều 38 Nghị định 91 theo hướng phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo nguyên tắc hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, chính sách phát triển thị trường chứng khoán. Cụ thể:

Một là, chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn DNNN tại công ty cổ phần đã niêm yết cổ phiếu hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được phân thành 02 trường hợp:

Trường hợp 1, đối với cổ phần thuộc vốn nhà nước/vốn của DNNN đã lưu ký chứng khoán, thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện theo phương thức khớp lệnh, thỏa thuận trên hệ thống giao dịch hoặc tổ chức bán đấu giá công khai ngoài hệ thống giao dịch.

Trường hợp 2, đối với cổ phần thuộc vốn nhà nước/vốn của DNNN chưa lưu ký chứng khoán, thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần thực hiện theo phương thức thỏa thuận hoặc bán đấu giá công khai ngoài hệ thống giao dịch.

Hai là, đối với vấn đề chuyển nhượng vốn nhà

nước/vốn DNNN tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Bộ Tài chính điều chỉnh theo 3 phương thức:

Phương thức đấu giá công khai: bao gồm đấu giá thông thường (nhà đầu tư tham gia đấu giá không bị hạn chế số lượng đặt mua phần vốn nhà nước/vốn của DNNN chuyển nhượng tại cuộc đấu giá) và đấu giá theo lô (nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua toàn bộ số lượng vốn nhà nước/vốn của DNNN chuyển nhượng tại cuộc đấu giá).

Phương thức chào bán cạnh tranh: là phương thức chào bán cạnh tranh về giá nhằm tìm kiếm nhà đầu tư để thực hiện mục tiêu bán hết số lượng cổ phần tương ứng với số vốn đã đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, sau khi đã thực hiện phương thức bán đấu giá công khai (bao gồm cả đấu giá theo lô) nhưng không thành công hoặc không bán hết số lượng cổ phần cần bán.

Phương thức thỏa thuận: là phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công trong trường hợp chỉ có một nhà đầu tư nộp hồ sơ tham gia. Phương thức thỏa thuận không áp dụng đối với trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công khi có nhiều nhà đầu tư đăng ký tham gia phiên chào bán cạnh tranh nhưng không đăng ký mua hết số lượng cổ phần cần bán.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định sửa đổi cũng bổ sung quy định xử lý đối với trường hợp sau khi đã thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN theo các phương thức nêu trên (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) mà vẫn còn cổ phần chưa bán hết thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/DNNN căn cứ vào nhu cầu thị trường, lựa chọn thời điểm để tiếp tục bán cổ phần theo phương thức đấu giá hoặc chào bán cạnh tranh. Trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận phải báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện bằng văn bản (tương tự như quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định 91).

Đại diện Bộ Tài chính kỳ vọng, Nghị định sửa đổi sau khi được Chính phủ xem xét, ban hành sẽ tạo điều kiện cho quá trình chuyển nhượng vốn nhà nước và vốn của DNNN đầu tư tại DN khác diễn ra hiệu quả, ngăn chặn thất thoát vốn và tài sản nhà nước. ■

Nợ đọng xây dựng cơ bản: Doanh nghiệp kêu cứu!

 **BẮC SƠN**

Xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (XD CB) là một nội dung quan trọng của tái cơ cấu đầu tư công và lập lại kỷ cương trong đầu tư XD CB. Đây cũng là một trong các giải pháp ổn định tài chính vĩ mô, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững. Thời gian qua, mặc dù Chính phủ đã luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, nhưng trên thực tế, nợ đọng XD CB kéo dài vẫn luôn là vấn đề nan giải đối với các nhà quản lý và DN. Tại hội thảo “Nợ đọng XD CB - Biện pháp tháo gỡ và hướng giải quyết” do Hiệp hội Nhà thầu Xây dựng Việt Nam (VACC) tổ chức, nhiều DN xây dựng đã lên tiếng xác nhận họ đang mòn mỏi chờ đợi những khoản nợ khổng lồ từ chủ đầu tư (CĐT).

Ước tính nợ đọng XD CB chiếm đến 20-25% GDP

Phát biểu tại Hội thảo trên, ông Nguyễn Quốc Hiệp - Chủ tịch VACC - cho biết, nhiều DN phản ánh bị nợ đọng XD CB vốn NSNN lên đến 2.000 tỷ đồng, trong khi vốn công ty chỉ khoảng 200 - 300 tỷ đồng. Đáng chú ý, phần lớn nợ đọng này tập trung vào khối DNNN dẫn đến tình trạng “Nhà nước nợ Nhà nước”, rất khó giải quyết. Nợ đọng XD CB diễn ra phổ biến và ở mức độ nghiêm trọng, gây ra các hậu quả như: công trình thi công dở dang, kéo dài; hiệu quả đầu tư kém; chiếm dụng vốn của nhau; nợ lương công nhân, nợ vật tư, nợ ngân hàng, nợ thuế, dẫn đến một số DN phải giải thể hoặc phá sản, góp phần làm cho nợ xấu của ngân hàng tăng lên...

Theo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tính đến hết năm 2016,

tổng số nợ đọng XD CB vốn ngân sách trung ương là hơn 9.557 tỷ đồng. Còn theo TS. Dương Văn Cận - Tổng thư ký VACC - con số nợ đọng chính thức trong XD CB là rất khó đong đếm và số liệu nợ đọng mà VACC có được đến thời điểm này ước khoảng 30.000 - 40.000 tỷ đồng. Thời gian nợ dài hay ngắn cũng khác nhau, trong đó có dự án, gói thầu kéo dài tới cả 10 - 12 năm. Thậm chí, có DN chỉ thi công trong 3 năm và đã quyết toán nhưng nhà thầu vẫn nợ cả trăm tỷ đồng, chiếm 10% giá gói thầu. TS. Dương Văn Cận còn cho biết thêm, nợ đọng trong XD CB không chỉ ở các dự án, gói thầu sử dụng vốn NSNN, vốn trái phiếu chính phủ mà ở tất cả các dự án thuộc các nguồn vốn, ở các loại gói thầu như tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa, vật tư...

Cũng tại Hội thảo, rất nhiều DN xây dựng đã lên tiếng về các khoản nợ đọng XD CB của mình, cụ thể như: tính đến cuối năm 2014, nợ đọng của Tổng công ty CP Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) là 2.346 tỷ đồng; đến hết năm 2016 thì con số đó giảm còn 1.185 tỷ đồng. Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn cho biết, tính đến 31/5/2017, các CĐT còn nợ đơn vị này số tiền hơn 1.653 tỷ đồng; giá trị sản xuất dở dang còn chưa được nghiệm thu là 991 tỷ đồng, trong khi đó đơn vị này chủ yếu phải sử dụng nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng với lượng vay bình quân khoảng 1.500 tỷ đồng và trả lãi là 126 tỷ đồng/năm. Cũng tình trạng tương tự, tính đến hết năm 2016, nợ đọng vốn tại Tổng công ty 319 trên 1.860 tỷ đồng, vượt trên 200% vốn chủ sở hữu. Nợ



động tác động trực tiếp đến quá trình luân chuyển và sử dụng vốn của DN...

Theo ông Nguyễn Tuấn Phát - Giám đốc Ban kinh tế phát triển của Tổng công ty Sông Đà - với các hợp đồng thi công dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước hoặc Nhà nước bảo lãnh vay vốn thì các nhà thầu thi công bao giờ cũng bị giữ lại một khoản tiền nhất định (3-5% tùy công trình) để CĐT chờ kết thúc thời hạn bảo hành của nhà thầu, đồng thời chờ cơ quan thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Điều này đã làm nảy sinh bất cập như sau: đối với một số công trình lớn, trọng điểm quốc gia, giá trị CĐT giữ lại của nhà thầu rất lớn dẫn đến tình trạng thiếu hụt vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Chẳng hạn, Dự án thủy điện Sơn La có những giai đoạn giá trị giữ lại khoảng 400 tỷ đồng; Dự án thủy điện Lai Châu giá trị giữ lại hiện nay cũng gần 400 tỷ đồng... Thêm nữa, thời gian phê duyệt quyết toán kéo dài, không xác định rõ ràng và thường vượt quá thời gian quy định do chờ các thủ tục kiểm toán, phê duyệt quyết toán

vốn đầu tư của cấp có thẩm quyền cũng làm nợ đọng của nhà thầu bị kéo dài, không thanh lý được hợp đồng và không giải quyết dứt điểm được công nợ. Thủy điện Sơn La đã khánh thành từ cuối năm 2012, Thủy điện Lai Châu khánh thành cuối năm 2016, nhưng đến nay vẫn chưa được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Đại diện VACC nhận định, hiện chưa có doanh thu chính xác của các nhà thầu xây dựng trên toàn quốc, nhưng ước tính nợ đọng XDCB phải chiếm đến 20-25% GDP. Do sợ nợ đọng, một số DN xây dựng lớn đã tuyên bố không nhận thi công các công trình vốn NSNN. Tuy nhiên, cũng chỉ DN lớn mới dám làm thế, những DN nhỏ nếu tuyên bố như vậy thì không có việc để làm nên đành chấp nhận đối mặt với tình trạng nợ đọng. Trong bối cảnh Quốc hội khóa 14 đã nhất trí thông qua Nghị quyết về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, sức ép thu hồi vốn từ phía ngân hàng càng gia tăng, gây thêm áp lực lớn cho DN khi muốn triển khai các công trình tiếp theo.

Chủ đầu tư phải có ngân hàng bảo lãnh vốn

Theo đại diện của Vinaconex, một trong những nguyên nhân dẫn đến việc nợ tiền XDCB là do nhu cầu đầu tư phát triển của xã hội trong thời gian qua rất lớn, dẫn đến việc các dự án xây dựng tăng lên một cách chóng mặt. Một số công trình, dự án không thể cân đối, bố trí nguồn vốn kịp thời để thanh toán khối lượng hoàn thành. Bên cạnh đó, vấn đề kỷ cương khi sử dụng vốn đầu tư XDCB và những quy định về XDCB cũng bộc lộ nhiều bất cập. Nhiều hạng mục công trình chi sai, chi không đúng mục đích... nên không thể quyết toán.

Bàn thêm về nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ đọng XDCB, ông Hoàng Ngọc Tú - đại diện Tập đoàn DELTA - cho rằng, có hai nhóm nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này.

Một là, nguyên nhân chủ quan xuất phát từ phía nhà thầu. Cụ thể, các nhà thầu tìm hiểu năng lực tài chính của CĐT không kỹ trước khi ký kết hợp đồng; năng lực của nhà thầu trong công tác đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT; năng lực trong việc quản lý và triển khai hồ sơ thanh quyết toán trong quá trình thi công vẫn còn yếu; chưa có biện pháp thu hồi nợ hiệu quả... Đây là nguyên nhân phổ biến chung cho nhiều nhà thầu dẫn tới nợ đọng lớn và kéo dài.

Hai là, nguyên nhân khách quan từ phía CĐT. Ở đây sẽ có hai trường hợp thường xảy ra: Thứ nhất, CĐT không có nguồn tài chính đảm bảo, xuất phát từ vốn ban đầu ít nên ngân hàng không bảo lãnh hoặc khó khăn trong việc bán căn hộ; Thứ hai,

CĐT có tài chính đủ nhưng cố tình kéo dài không trả nợ cho nhà thầu, thậm chí còn tìm mọi cách để trì hoãn hay gây khó khăn trong hồ sơ thanh toán và quyết toán cho nhà thầu.

Ngoài ra, Luật Xây dựng của Việt Nam cũng chưa có các quy định cụ thể, thiết thực nhằm hạn chế nợ đọng trong XDCB, các quy định hiện hành thì chưa đủ mạnh để tạo sức ép khiến CĐT phải thực hiện thanh toán cho nhà thầu như hợp đồng đã ký kết. Các nhà thầu tham dự Hội thảo đều rất đồng tình với ý kiến từ đại diện của DELTA.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc thanh quyết toán giữa CĐT và nhà thầu, tránh nợ đọng trong XDCB, đại diện Tập đoàn DELTA cho rằng, cần phải đảm bảo tính bình đẳng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Cụ thể, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các luật có liên quan khác cần quy định bắt buộc CĐT phải có ngân hàng bảo lãnh vốn theo kế hoạch vốn của dự án để chi trả cho nhà thầu theo hợp đồng đã ký kết. Điều này cũng tương tự như việc CĐT yêu cầu nhà thầu phải có bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Hoặc chí ít, ở giai đoạn cuối của phần khối lượng thanh toán, CĐT phải có bảo lãnh giá trị vốn thanh toán cho nhà thầu. Đối với vốn ngoài NSNN, trong quá trình xét duyệt cấp phép xây dựng, cơ quan quản lý cần phải có các quy định về năng lực tài chính của CĐT, cụ thể như khả năng tài chính thực sự, khả năng thanh toán các chi phí cho công trình, bảo lãnh của một cơ quan tài chính... thì mới được cấp phép cho xây dựng.

Đồng quan điểm với DELTA,

TS. Dương Văn Cận cho rằng, mặc dù Luật Đấu thầu đã quy định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của gói thầu chỉ được phát hành để lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn đã được thu xếp đủ theo tiến độ thực hiện gói thầu. Tuy nhiên, chế tài cụ thể ở các văn bản dưới luật chưa có những hướng dẫn chi tiết, cụ thể nên quy định này cũng chỉ trên văn bản. Theo ông Cận, cần bổ sung cơ chế CĐT bảo lãnh vốn thanh toán trong Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng. Cụ thể, khi giá trị khối lượng gói thầu còn lại từ 20 - 30%, CĐT phải thực hiện thủ tục bảo lãnh vốn thanh toán. Đây được xem như là một cam kết của CĐT với nhà thầu về thanh toán. Những giá trị khối lượng đã hoàn thành thủ tục thanh toán sau thời điểm này mà để kéo dài quá thời hạn theo quy định thì nhà thầu có quyền phát văn bản yêu cầu CĐT thanh toán, phải tính lãi vay hoặc nhà thầu có thể thông báo dừng thi công nếu như CĐT không còn kinh phí thanh toán.

Để tháo gỡ khó khăn cho DN, TS. Dương Văn Cận kiến nghị,

Chính phủ cần có cơ chế bố trí vốn để từng bước hỗ trợ DN xây dựng. Theo đó, Chính phủ giao cho các Bộ, ngành, địa phương thống kê, đánh giá, phân loại để giải quyết theo mức độ, thứ tự. Trong đó, ưu tiên số 1 sẽ dành cho các dự án, gói thầu đã thực hiện đúng trình tự XDCB, làm xong các thủ tục, dự án đang phát huy hiệu quả nhưng chưa thu xếp được nguồn kinh phí, tiếp đó mới giải quyết các dự án khác... Phương cách này sẽ tháo gỡ dần từ dễ đến khó, từng bước giảm bớt gánh nặng nợ đọng trong XDCB.

Bên cạnh đó, cơ chế đầu tư xây dựng cần được hoàn thiện theo hướng kiểm soát chặt chẽ từ khâu thẩm định dự án và thủ tục đấu thầu, làm rõ trách nhiệm, cá nhân trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư. Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các luật liên quan cần bổ sung các quy định cụ thể và có chế tài đủ mạnh trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt vốn đầu tư nhằm hỗ trợ DN và tránh hậu quả gây thất thoát, lãng phí tiền của Nhà nước.■

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến 31/12/2014, số nợ đọng XDCB vốn ngân sách trung ương và trái phiếu chính phủ là hơn 21,4 nghìn tỷ đồng, còn số nợ đọng XDCB đến hết kế hoạch năm 2015 chưa bố trí nguồn thanh toán là hơn 14 nghìn tỷ đồng. Kết quả kiểm toán của KTNN cho thấy, 30/48 địa phương phát sinh nợ đọng XDCB mới hơn 7,2 nghìn tỷ đồng, các cơ quan trung ương phát sinh nợ gần 107,2 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ nợ đọng XDCB đến hết 31/12/2015 so với tổng chi ĐTPT năm 2015 của một số địa phương còn rất lớn, cụ thể như: tỉnh Hà Nam khoảng 786% (gần 6.360/809 tỷ đồng); Ninh Bình hơn 232% (hơn 5.570/2.397 tỷ đồng); Bạc Liêu hơn 152% (467/307 tỷ đồng); TP. Hải Phòng hơn 118% (3.199/2.703 tỷ đồng); Hải Dương hơn 101% (1.926/1.901 tỷ đồng)...■

Làm thế nào để thu thuế người bán hàng qua Facebook?

 **THÙY ANH**

Gần đây, dư luận đang xôn xao về việc cơ quan thuế đã thật sự “chạm” đến thị trường bán hàng online qua các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo... Nhìn chung, đa số ý kiến đều thể hiện sự ủng hộ đối với chủ trương này nhưng vẫn tỏ ra lo ngại về tính khả thi của nó trong quá trình thực hiện.

Lộ trình thu thuế người bán hàng qua Facebook

Vấn đề thu thuế qua Facebook thực sự được “xới” lên khi vào đầu tháng 6/2017, các chi cục thuế tại TP. HCM đã gửi thư mời gần 13.500 chủ tài khoản Facebook đến làm việc để kê khai thuế. Tuy nhiên, cơ quan thuế TP.HCM gần như không nhận được phản hồi từ những “khách mời” này.

Tiếp theo, Cục Thuế TP. Hà Nội cũng triển khai một việc tương tự, đó là gửi thông báo qua tin nhắn đến hơn 11.000 chủ tài khoản chưa đăng ký thuế để hướng dẫn đăng ký và kê khai thuế.

Ông Viên Viết Hùng - Phó Cục trưởng Cục Thuế TP. Hà Nội - cho biết: sau khi Cục Thuế gửi thông báo đến các chủ tài khoản bán hàng trên trang Facebook cá nhân, từ ngày 19/6/2017 đến nay, nhiều chủ tài khoản đã tự giác đăng ký và kê khai thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Theo ông Hùng, điều này thể hiện sự quan tâm, hiểu biết và ý thức trách nhiệm của các cá nhân tham gia kinh doanh. Mặc

dù vậy, vẫn còn một số chủ tài khoản tỏ ra bần khoản, chưa phân định rõ việc đăng ký, kê khai thuế và việc nộp thuế, chưa hiểu rõ việc xác định thu nhập và các khoản thuế phải nộp nên chưa cung cấp thông tin cho cơ quan thuế.

Ông Hùng khẳng định, theo Luật Quản lý thuế, cá nhân tham gia kinh doanh phải đăng ký thuế để được cấp mã số thuế, đồng thời phải kê khai thuế 1 lần/1 năm (nếu quy mô kinh doanh không thay đổi). Theo quy định của Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT, thuế TNCN đối với cá nhân thì chỉ các cá nhân hoạt động thương mại, kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm mới phải nộp thuế. Đối với trường hợp doanh thu dưới 100 triệu đồng/năm, cá nhân không phải nộp thuế nhưng phải đăng ký thuế và kê khai thuế.

Cục Thuế TP. Hà Nội khuyến cáo, các cá nhân đang kinh doanh trên mạng hợp tác với cơ quan thuế và chủ động thực hiện

nghĩa vụ đăng ký, kê khai thuế theo mẫu trên website của Cục Thuế. Sau đó, cá nhân có thể nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc gửi qua đường bưu điện về chi cục thuế nơi đặt cửa hàng hoặc nơi cư trú, tạm trú.

Trong giai đoạn này, cơ quan thuế sẽ tạo điều kiện để hướng dẫn người dân hiểu rõ trách nhiệm của mình, đồng thời hỗ trợ, vận động người kinh doanh đăng ký thuế và tự giác thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Cơ quan thuế sẽ phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, các đơn vị quản lý mạng xã hội như Facebook, Google... để nắm bắt danh sách các website, các tài khoản của những tổ chức, cá nhân có hoạt động thương mại điện tử trên mạng xã hội.

Cơ quan thuế cũng sẽ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cung cấp bản sao kê tài khoản của các cá nhân, tổ chức có kinh doanh qua Facebook, đồng thời đề nghị đơn vị cung ứng vận chuyển cung cấp số lượng hàng hóa vận chuyển, doanh thu thu hộ (nếu có) của từng tổ chức, cá nhân để

cơ quan thuế rà soát đối chiếu và tiến hành thu thuế.

Cơ quan thuế cũng sẽ phối hợp với cơ quan công an đề nghị cung cấp các website thương mại chưa kê khai nộp thuế để truy thu thuế theo quy định. Đồng thời cơ quan thuế sẽ tổ chức quản lý, phối hợp với nhà mạng và các cơ quan quản lý để giám sát. Nếu cá nhân kinh doanh qua mạng cố tình chây ỳ hoặc trốn thuế thì các cơ quan này sẽ ngăn chặn giao dịch.

Còn bộn bề khó khăn

Mặc dù nhiều cá nhân kinh doanh qua Facebook đã khẳng định nghĩa vụ nộp thuế nhưng chính họ và các chuyên gia về thuế đều lo ngại tính khả thi của chủ trương này.

Chị Nguyễn Mai Phương (Hà

Nội) - một người bán hàng trên Facebook - nêu vấn đề: cơ quan thuế sẽ kiểm soát doanh thu của người bán hàng bằng cách nào khi giao dịch qua hình thức này thường không có giấy tờ, hóa đơn; việc mua bán lại chủ yếu được thực hiện bằng tiền mặt, người kinh doanh sẽ lập tài khoản mới nếu bị đóng tài khoản... Trong khi đó, cơ quan thuế lại không thể trông chờ vào sự tự giác kê khai của người kinh doanh.

Từ góc độ nghiên cứu, bà Lăng Trịnh Mai Hương - Phó Giám đốc Trường đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán, KTNN - khẳng định:

Thứ nhất, cá nhân kinh doanh đến ngưỡng phải đóng thuế thì nên tuân thủ các quy định. Tuy nhiên, cơ quan chức năng phải

nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng thuế một cách hợp lý, minh bạch để người dân sẵn sàng hơn trong vấn đề này. Nếu người dân vẫn nghe những chuyện như: dự án này thua lỗ, dự án kia đắp chiếu, chỗ này sai sót, chỗ kia tham nhũng... thì sự sẵn sàng nộp thuế của họ chắc chắn sẽ giảm đi...

Thứ hai, giai đoạn này mới là bước dạo đầu để mọi người quen với việc kê khai, quen với việc tuân thủ pháp luật trong kinh doanh, còn việc thu được thuế của đại đa số người kinh doanh online chắc sẽ không dễ dàng và cũng tốn kém không ít chi phí của ngành thuế. Số lượng người kinh doanh online thì rất nhiều nhưng số đến ngưỡng đóng thuế chắc chỉ vài %, còn đối tượng có doanh thu rất cao để phải đóng



thuế nhiều lại càng ít hơn nữa. Đó là chưa kể, ngành thuế sẽ kiểm tra doanh thu của người kinh doanh online bằng cách nào; có truy xuất được dữ liệu từ chuyển phát nhanh, ngân hàng, Facebook được không? Theo bà Hương, cơ quan thuế rất khó để làm được việc này, bởi ngoài sự hợp tác của các bên còn vướng những quy định pháp luật. Trong trường hợp có truy xuất được hết dữ liệu thì vẫn còn rào cản khác là văn hóa tiền mặt phổ biến ở Việt Nam. Vấn đề này ngành thuế làm thế nào để kiểm soát? Ngay cả đối với DN có hóa đơn chứng từ đầy đủ, rõ ràng, nhiều nơi vẫn còn dễ sai sót và gian lận thuế. Ngoài ra, ngành thuế cũng khó có đủ nhân lực để kiểm tra được hết các chủ tài khoản, bởi hàng năm cơ quan này mới chỉ kiểm tra được dưới 20% tổng số DN.

Mặc dù đưa ra những quan ngại trên nhưng bà Hương vẫn khẳng định: nói như vậy không có nghĩa là bà khuyến khích người kinh doanh trốn thuế. Chúng ta sống trong môi trường luật pháp, cách tốt nhất là phải hiểu luật và biết cách tuân thủ. Cá nhân kinh doanh cần phải biết hoạt động của mình bị điều chỉnh bởi quy định, văn bản nào và nội dung là gì. Đối với người kinh doanh online, có hai loại thuế, phí có thể phải nộp là lệ phí môn bài (xem Thông tư 302/2016/TT-BTC hướng dẫn lệ phí môn bài), thuế thu nhập cá nhân và thuế GTGT (xem Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thuế TNCN và thuế GTGT). Bên cạnh đó, người kinh doanh cũng cần biết các vấn đề về kê khai, nộp thuế, xử phạt khi vi phạm...

được quy định tại Thông tư 18/VBHN- BTC về khai thuế, tính thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế...

Theo tư vấn của bà Hương, đã kinh doanh là phải đăng ký, vậy nên cá nhân kinh doanh cần phải đăng ký kinh doanh để được cấp mã số thuế. Đăng ký thuế không đồng nghĩa với việc nộp thuế. Người kinh doanh online phải biết mình có thuộc đối tượng phải nộp thuế không và cần phải biết các ghi chép doanh thu ra sao, khai báo thế nào, làm thế nào để vừa tuân thủ pháp luật vừa nộp thuế ít nhất...



Từ góc độ chuyên tư vấn thuế, ông Chung Thành Tiến - Giám đốc Công ty TNHH DV kế toán Đồng Hưng (TP.HCM) - khẳng định, bất kể DN hay cá nhân có hoạt động kinh doanh, mua bán có phát sinh thu nhập dù có đăng ký kinh doanh hay không đều phải có trách nhiệm thực hiện đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế. Điều này đã được quy định rõ tại Luật Quản lý thuế và các văn bản liên quan. Ông Tiến dự báo, kinh doanh online đã, đang và sẽ phát triển mạnh trong thời gian tới. Do đó, việc

ngành thuế cần tìm kiếm giải pháp để chống thất thu đối với các cá nhân có thu nhập từ kinh doanh online là điều cần thiết.

Theo ông Tiến, để thực hiện được chủ trương này, *thứ nhất*, ngành thuế nên kết hợp với các cơ quan liên quan, chuẩn hóa các quy định của Luật Thương mại điện tử để không bỏ sót các đối tượng thuộc diện nộp thuế (hiện nay Google, Facebook... không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nên không thuộc đối tượng chi phối bởi luật này, và Việt Nam cũng khó có thể yêu cầu họ đăng ký hay cung cấp thông tin);

Thứ hai, ngành thuế cần tăng cường công tác tuyên truyền cho người kinh doanh online hiểu về trách nhiệm và quyền lợi, khuyến khích họ tự kê khai các giao dịch phát sinh (nếu có) và đưa ra chính sách khuyến khích phát triển, chưa nên thu thuế vào thời điểm này;

Thứ ba, cần xây dựng đội ngũ chuyên gia để thu thập đầy đủ và xác thực cơ sở dữ liệu liên quan đến các cá nhân bán hàng online;

Thứ tư, Chính phủ nên xây dựng một kênh bán hàng online hoặc kết hợp với các mạng xã hội đề nghị họ phải có trách nhiệm cung cấp thông tin;

Cuối cùng, cơ quan quản lý cần ban hành chế tài đủ nặng để xử lý nếu sau khi đã hỗ trợ tối đa mà các đối tượng vẫn tiếp tục trốn thuế.

Rõ ràng, chủ trương thu thuế người bán hàng trên Facebook là phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng lúc này là cơ quan thuế phải cùng với các Bộ, ngành liên quan vượt qua các rào cản nói trên để tìm ra giải pháp hiệu quả. ■

KIỂM TOÁN DỰA TRÊN ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ XÁC ĐỊNH TRỌNG YẾU

LTS. Tại Kế hoạch chiến lược phát triển KTNN giai đoạn 2013 - 2017, KTNN Việt Nam đã xây dựng Chiến lược 7 - Phát triển hoạt động kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu. Đây được xem là một trong những chiến lược kiểm toán vô cùng quan trọng, bởi trên thực tế, để kiểm toán thấu đáo và đảm bảo hiệu quả, kiểm toán viên không thể thực hiện đối với tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà phải dựa trên việc đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu. Với mong muốn chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm về vấn đề này, Đặc san Kiểm toán cuối tháng xin giới thiệu đến bạn đọc chuyên đề “Kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu”, bao gồm ý kiến của các chuyên gia kiểm toán giàu kinh nghiệm đến từ KTNN cũng như các công ty kiểm toán lớn và các trường đại học. Hy vọng, chuyên đề sẽ mang đến bạn đọc những thông tin thiết thực.

Việc đánh giá rủi ro chiếm phần lớn trong tổng thời gian thực hiện cuộc kiểm toán



TRẦN PHÚ SƠN

Phó Tổng Giám đốc Ernst&Young Việt Nam

Hiện nay, các công ty kiểm toán độc lập đang chịu sức ép ngày càng lớn. Một mặt là do quy mô và số lượng giao dịch của các DN ngày càng tăng cao với tính chất ngày càng phức tạp; mặt khác, các yêu cầu của cơ quan quản lý, của công chúng cũng đòi hỏi kiểm toán viên (KTV) phải tích cực hơn. Phương pháp kiểm toán dựa trên

rủi ro chính là chìa khóa giải quyết vấn đề này.

Nền tảng pháp lý của phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro

Phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro hướng đến các mục tiêu cơ bản sau:

Các thủ tục kiểm toán được xây dựng đầy đủ và phù hợp để

phát hiện rủi ro trọng yếu;

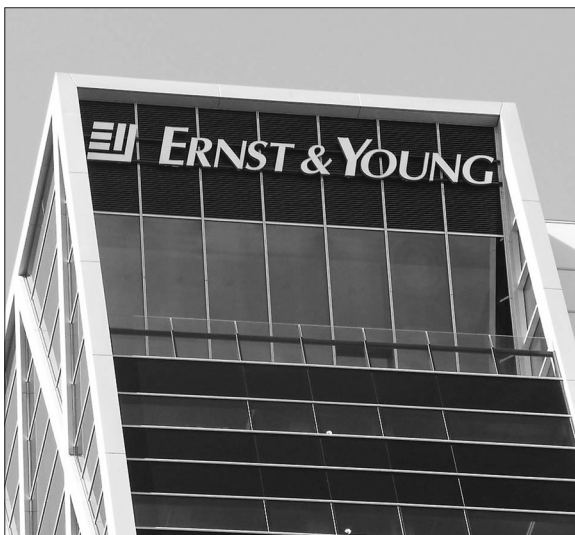
Giảm thiểu khả năng mục tiêu kiểm toán không được đáp ứng do hạn chế về nguồn lực, kiểm tra 100% giao dịch nhưng không phát hiện thấy rủi ro;

Nguồn lực kiểm toán sẽ được chú trọng vào các nội dung có thể chứa đựng nhiều sai sót trọng yếu;

Nâng cao tính hiệu quả và

đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán.

Trong các mục tiêu này, cần lưu ý đến mục tiêu nguồn lực kiểm toán có thể chú trọng vào các nội dung chứa đựng nhiều sai sót trọng yếu. Đây chính là mục tiêu xuyên suốt của toàn bộ quá trình kiểm toán. Trong điều kiện khối lượng giao dịch có tính chất phức tạp, ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi thì việc KTV tập trung nguồn lực là quan trọng nhất.



Để thực hiện kiểm toán dựa trên rủi ro, Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam cũng đã có những hướng dẫn rất cụ thể. Trong lần phát hành gần đây nhất, các chuẩn mực này gần như đã tuân thủ với các chuẩn mực kiểm toán quốc tế.

Về mặt tổng thể, Ernst&Young (E&Y) đã có:

Chuẩn mực kiểm toán số 200 - Mục tiêu tổng thể của KTV và DN kiểm toán khi thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;

Chuẩn mực kiểm toán số 240- Trách nhiệm của KTV liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm

toán BCTC;

Chuẩn mực kiểm toán số 250- Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán BCTC;

Chuẩn mực kiểm toán số 315- Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường của đơn vị;

Chuẩn mực kiểm toán số 320- Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán;

Chuẩn mực kiểm toán số 330- Biện pháp xử lý của KTV đối với rủi ro đã đánh giá.

Như vậy, nền tảng pháp lý là tương đối rõ ràng và phương pháp kiểm toán của E&Y nói chung được xây dựng nhằm mục tiêu xác định, đánh giá các rủi ro, đồng thời xử lý các rủi ro trong quá trình kiểm toán. Theo đó, phương pháp kiểm toán tổng thể của E&Y được áp dụng trên toàn cầu có tên là EY GAM. Việc xác định và đánh giá rủi ro chiếm một phần rất lớn trong tổng thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Ngoài ra, E&Y cũng đánh giá rủi ro xuyên suốt trong quá trình kiểm toán, từ đó dẫn đến bước thứ ba là thực hiện kiểm toán. Chi tiết hơn, trong các bước xác định, đánh giá và xử lý rủi ro, việc đầu tiên phải làm là tìm hiểu hoạt động kinh doanh của DN. Đây là phương pháp quan trọng nhất và kết thúc bằng bước xác định được các rủi ro do gian lận. Trong đánh giá rủi ro, điều quan trọng nhất là lập được ma trận đánh giá rủi ro. Cuối cùng, dựa trên các rủi ro đã được đánh giá, xác định, E&Y sẽ có phương pháp kiểm toán, thủ tục kiểm toán đáp ứng các yêu cầu đặt ra.

Việc xác định rủi ro được thực hiện như thế nào?

E&Y sẽ dựa trên các nhân tố ảnh hưởng chung và các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp để tìm hiểu hoạt động kinh doanh của DN. Trong đó, chúng tôi dành nhiều thời gian cho việc xác định đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, bởi rủi ro kinh doanh sẽ dẫn tới các rủi ro khác trên BCTC. Quá trình xác định rủi ro cũng dựa vào việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ của DN, bao gồm: môi trường kiểm soát, quy trình đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát và quan trọng nhất là hệ thống thông tin. Trong điều kiện hiện tại, DN thường áp dụng hệ thống quản trị nguồn nhân lực ERP rất rộng rãi, đồng thời nhiều thủ tục đã được số hóa nên việc tìm hiểu hệ thống thông tin của DN rất quan trọng. Dựa trên quy mô và mức độ phức tạp trong hoạt động của DN, E&Y còn thực hiện các thủ tục phân tích trong giai đoạn lập kế hoạch, bao gồm phân tích các chỉ số tài chính đơn giản cũng như các chỉ số phức tạp như: xu hướng, cơ cấu... E&Y sử dụng Phần mềm YE Helix để chiết xuất trực tiếp thông tin từ phía các DN với khả năng xử lý tới khoảng 60 triệu giao dịch tại cùng một thời điểm.

Bên cạnh đó, việc xác định rủi ro không thể không đề cập đến rủi ro do gian lận, đặc biệt là trong môi trường kinh doanh của Việt Nam. E&Y thường tập trung vào các yếu tố dẫn tới rủi ro gian lận để đánh giá mức độ của rủi ro. Sau khi đã xác định được rủi ro gian lận, các bước đánh giá rủi ro cũng được thực hiện và

đưa ra theo 2 cấp độ: Một là, cấp độ tổng thể BCTC; Hai là, cấp độ cơ sở dẫn liệu (dựa trên từng tài khoản trọng yếu trên BCTC, đó là những tài khoản có giá trị số dư lớn hoặc là các rủi ro đặc biệt do tính chất của tài khoản). Hoạt động đánh giá rủi ro được bắt đầu từ việc đánh giá các tài khoản trọng yếu trên BCTC, đó là những tài khoản có giá trị số dư lớn hoặc rủi ro đặc biệt do tính chất của tài khoản. Ví dụ, các tài khoản có nhiều ước tính, các tài khoản có tính tuân thủ cao... Để hiểu được rủi ro của các tài khoản đó lớn như thế nào, E&Y thường xác định và tìm hiểu những chu trình kinh doanh quan trọng. Thông thường một DN có 5 chu trình kinh doanh lớn, như: chu trình thu - chi tiền; chu trình doanh thu; chu trình hàng tồn kho; chu trình tài sản cố định... Khi gắn được các tài khoản với các chu trình, chúng ta sẽ có điều kiện tìm hiểu rõ hơn các rủi ro liên quan.

Sau đó, các KTV của E&Y sẽ xác định rủi ro với từng cơ sở dẫn liệu quan trọng, từ đó xác định các thủ tục kiểm soát chính mà DN đang sử dụng để hạn chế các rủi ro đó. Câu chuyện đặt ra là DN đã kiểm soát như vậy thì phần rủi ro còn lại như thế nào? E&Y sẽ sử dụng ma trận đánh giá rủi ro dựa trên rủi ro kinh doanh và rủi ro kiểm soát. Nếu rủi ro kinh doanh là cái mà cả DN và KTV không kiểm soát được thì rủi ro kiểm soát là cái có thể kiểm soát được. Nếu DN đã kiểm soát tốt thì KTV có thể dựa nhiều hơn vào các kiểm soát này để đưa ra các thủ tục kiểm soát...

Trong một cuộc kiểm toán,

KTV phải thực hiện những thủ tục gì để đạt được mức tin cậy lên tới 95%? - đây là một tiêu chí mang tính định tính mà E&Y hướng tới. Muốn vậy, E&Y phải thực hiện các thủ tục về kiểm soát, các thủ tục cơ bản và các thủ tục kiểm toán khác. Sau khi đã có các bước kiểm tra, kiểm soát cơ bản, bước tiếp theo là tổng hợp và đánh giá kết quả kiểm toán. Đây là bước cuối cùng để xử lý các rủi ro đã phát hiện và đánh giá để đưa ra kết luận kiểm toán.

Để có một phương pháp kiểm toán BCTC dựa trên rủi ro, phải có 3 nhân tố rất quan trọng: Một là, chương trình kiểm toán (có thể có chương trình mẫu, sau đó được sửa đổi cho phù hợp với từng đơn vị được kiểm toán); Hai là, chuẩn mực kiểm toán, hệ thống mẫu biểu để đảm bảo thông tin được đưa vào đầy đủ, phù hợp nhất và tiết kiệm thời gian cho các KTV; Ba là, hệ thống công nghệ thông tin (phần mềm kiểm toán trợ giúp cho KTV trong quá trình thực hành các thủ tục kiểm toán).

Vấn đề xác định mức trọng yếu trong báo cáo tài chính (BCTC)

Xác định mức trọng yếu là công việc khó khăn nhất trong phương pháp kiểm toán, không chỉ với KTNN mà với cả Big Four. Trong Big Four luôn có kỳ soát xét chất lượng hàng năm, và E&Y các nước khác cũng đến Việt Nam để kiểm tra chất lượng kiểm toán của E&Y Việt Nam. Việc xác định mức trọng yếu luôn là chủ đề mà đoàn kiểm tra thảo luận đầu tiên, bởi mức trọng yếu mang tính chất

quyết định toàn bộ kết luận của cuộc kiểm toán.

Quá trình xác định mức trọng yếu liên quan đến việc xét đoán rất chủ quan của người thực hiện cuộc kiểm toán. Mặc dù ý kiến là do tập thể đưa ra, nhưng quyết định cuối cùng vẫn do trưởng đoàn. Trưởng đoàn sẽ quyết định việc dựa trên tiêu chí nào để đánh giá, bởi trên BCTC có rất nhiều tiêu chí như tổng tài sản, tổng công nợ, tài sản thuần, doanh thu, lợi nhuận... Sau khi lựa chọn được tiêu chí thì tỷ lệ % sẽ là bao nhiêu. Các công ty Big Four không đưa ra một con số cụ thể mà thường là một khoảng % và trưởng đoàn sẽ quyết định mức % đó. Chính vì thế, cái khó trong xác định mức trọng yếu là xác định tiêu chí, sau đó là khung và cuối cùng là phải có những hướng dẫn để áp dụng các tiêu chí vào khung một cách cụ thể nhất. Việc này dựa trên kinh nghiệm nhiều hơn là lý thuyết, định lượng. Thông thường, có một cơ chế tham vấn để nếu không dùng tiêu chí thông thường lựa chọn mức độ trọng yếu thì sẽ tham vấn với ban kỹ thuật quốc gia (thậm chí là ban kỹ thuật của khu vực). Cơ chế tham vấn sẽ đảm bảo cho đánh giá của KTV phụ trách cuộc kiểm toán không vượt quá xa ngưỡng thông thường có thể chấp nhận được.

Còn các hướng dẫn cụ thể thì thông thường được thay đổi hàng năm. Các tỷ lệ %, các tiêu chí ưu tiên chọn lựa cũng thường xuyên thay đổi tùy theo ngành nghề và mức độ hình thành, thời gian tồn tại của DN, thậm chí là tùy theo quốc gia mà DN đó thực hiện.■

Kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro, xác định trọng yếu: Kinh nghiệm từ Deloitte



VŨ ĐỨC NGUYỄN

Phó TGD Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngay từ những ngày đầu hoạt động, Công ty Deloitte đã thực hiện kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro, xác định trọng yếu. Qua thực tế, Deloitte cũng nhận thấy công việc này rất khó khăn, bởi đã là trọng yếu thì mang cả định tính và định lượng.



Vai trò quan trọng nhất là người thực hiện kiểm toán

Tất cả chuẩn mực của KTNN và chuẩn mực kiểm toán độc lập đều đưa ra những hướng dẫn rất tổng thể, trong đó nhấn mạnh vai trò quan trọng nhất là người thực hiện kiểm toán. Deloitte toàn cầu cũng đã đưa ra khung hướng dẫn, nhưng trên thực tế kiểm toán, chúng tôi vẫn phụ thuộc nhiều vào kiểm toán viên. Khi Deloitte kiểm toán một DN niêm yết, thông thường đối tượng quan tâm nhất trong báo cáo tài chính (BCTC) là lợi nhuận. Song, thực tế lại có DN hoạt động rất tốt, doanh thu cao mà vẫn lỗ, hoặc có trường hợp lợi nhuận của DN gần như bằng không. Nếu áp dụng theo tỷ lệ lợi nhuận thì mức trọng yếu trong trường hợp này là không phù hợp. Do đó, Deloitte đã đưa

ra một phương pháp thực tế hơn dựa trên sự kết hợp nhiều chỉ tiêu. Ví dụ, với DN niêm yết thì có thể kết hợp lợi nhuận và xác định theo quy mô hoạt động của DN (tài sản, doanh thu) để từ đó xác định mức trọng yếu tổng thể đối với BCTC.

Mô hình xác định mức trọng yếu của Deloitte bao gồm một hệ thống phân mềm hướng dẫn với 3 chỉ tiêu: loại hình công ty gì, chọn chỉ tiêu nào để xác định mức độ trọng yếu, tỷ lệ xác định là bao nhiêu. Tuy nhiên, đó chỉ là hướng dẫn, dự kiến mức trọng yếu nào là do người chịu trách nhiệm kiểm toán đưa ra quyết định cuối cùng.

Chính sách tham vấn cần có thêm nguyên tắc: đó là trong cuộc kiểm toán phải có một người chịu trách nhiệm chính và một người bên cạnh làm việc độc

lập để kiểm soát chất lượng kiểm toán ngay tại thời điểm đó. Nếu người kiểm soát chất lượng vẫn chưa đồng ý với người chịu trách nhiệm chính thì sẽ cần đến bộ phận kỹ thuật quốc gia hoặc bộ phận kỹ thuật khu vực. Đây chính là điểm tạo ra rất nhiều mâu thuẫn, tranh luận, tác động lên toàn bộ kết quả của cuộc kiểm toán. Bởi vậy, Deloitte luôn tổ chức họp trong nhóm kiểm toán, bao gồm cả người kiểm soát chất lượng để trao đổi, thống nhất việc chọn trọng yếu nào, mức độ là bao nhiêu, cao hay thấp...

Xác định mức trọng yếu tổng thể và trọng yếu chi tiết

Từ mức trọng yếu tổng thể trong BCTC, chúng tôi sẽ đưa xuống mức trọng yếu thực hiện công việc chi tiết. Mức thứ hai

này phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống kiểm soát nội bộ, áp dụng công nghệ thông tin, bản chất quản trị của DN.

Có một vấn đề mà KTNN cũng như kiểm toán độc lập đều gặp phải, đó là khi kiểm toán các tổng công ty (TCT) và tập đoàn (TD), khái niệm về trọng yếu đối với các BCTC hợp nhất rất khác so với BCTC của đơn vị độc lập. Mức trọng yếu của một đơn vị độc lập có thể áp dụng với một chỉ tiêu, nhưng với TD, TCT kinh doanh đa ngành đa nghề (ngân hàng, bảo hiểm, năng lượng, thông tin...), mức trọng yếu phải chia làm hai bước: bước một, phải xác định được đâu là hoạt động trọng tâm của TCT, TD; bước hai, trong mức trọng yếu đó phải tính toán để có sự phân bổ mức trọng yếu và sai sót xảy ra rủi ro trọng yếu xuống các công ty con nhỏ hơn. Trong thời gian tới, KTNN cũng cần áp dụng cách thực hiện đánh giá trọng yếu như vậy.

Trong kiểm toán các TCT, TD, chúng ta thống nhất với chuẩn mực kiểm toán quốc tế là trước tiên phải xác định mức độ trọng yếu tổng thể cho toàn TCT, TD và cố gắng thống nhất với tất cả công ty con. Ví dụ, chúng tôi có thể dựa trên tổng doanh thu toàn TD, từ đó xác định ra các bộ phận trọng yếu trong TD, như: công ty con có tổng doanh thu chiếm tỷ lệ bao nhiêu % trong TD và được phân bổ mức trọng yếu tương ứng, nhưng mức trọng yếu của công ty con bao giờ cũng thấp hơn mức trọng yếu của TD. Nếu xác định mức trọng yếu của công ty con bằng mức của TD thì tất cả các sai sót của từng công ty con so với BCTC

hợp nhất của cả TD sẽ không hợp lý. Tuy nhiên, có trường hợp thứ hai là trong TD còn một loại rủi ro nữa từ giao dịch nội bộ của các công ty con. Với các giao dịch nội bộ, Deloitte thường phân loại riêng để đánh giá, xác định trọng yếu. Có nhiều trường hợp, giao dịch trong nội bộ TD chứa đựng sai sót và rủi ro trọng yếu dẫn đến ý kiến kiểm toán sai. Bản thân TD đó có thể can thiệp mang tính chuyên môn nghiệp vụ để tạo ra một BCTC tốt nhưng không đúng trong thực tế. Do đó, việc phân bổ mức trọng yếu trong từng thành viên TD, đồng thời tất cả các giao dịch nội bộ phải được tách ra để xem xét riêng.

Rủi ro về công nghệ thông tin phải được xem là trọng yếu

Hệ thống công nghệ thông tin gần như được áp dụng trong mọi DN, đặc biệt trong các tổ chức tài chính, ngân hàng. Nếu chỉ áp dụng phương pháp kiểm toán chọn mẫu mà không quan tâm đến kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin và sử dụng các phần mềm kiểm toán hỗ trợ thì trong nhiều trường hợp BCTC chưa chắc đã trung thực và hợp lý. Gần đây, chúng ta có rất nhiều ví dụ liên quan đến các DN vận tải hàng không, ngân hàng... Trong trường hợp sai sót về công nghệ thông tin, mặt nghiệp vụ có thể đúng nhưng tổng hợp BCTC thì vẫn sai. Do vậy, rủi ro về công nghệ thông tin cũng phải được xem là rủi ro trọng yếu.

Deloitte và E&Y cũng như các công ty khác trong Big Four đã sử dụng rất nhiều phần mềm hỗ trợ kiểm toán, như: phần mềm

hỗ trợ chọn mẫu, phần mềm đánh giá tổng thể thông tin, phần mềm kiểm tra hệ thống thông tin của khách hàng... Chúng tôi đánh giá cả dữ liệu đầu vào, dữ liệu đầu ra, quá trình xử lý dữ liệu để đưa ra kết quả cuối cùng, đồng thời đánh giá khả năng bảo mật hệ thống thông tin trong trường hợp có sự tấn công từ bên ngoài. Đó là những nguyên tắc chung mà các công ty kiểm toán độc lập lớn trên thế giới đều áp dụng.

Các kết luận, kiến nghị kiểm toán phù hợp với hiện tại

KTNN đang có xu hướng tiến gần hơn với kiểm toán độc lập, nhưng có một chức năng KTNN vẫn phải giữ đó là kiểm toán tuân thủ, đảm bảo sự tuân thủ về pháp luật, các quy định về cơ chế và chính sách. Vậy KTNN và kiểm toán độc lập có thể chia sẻ với nhau những gì? Thực tế, kiểm toán BCTC thường mang tính hậu kiểm, tức là số liệu phát sinh của năm này được kiểm toán vào năm sau, thậm chí một số trường hợp có thể vài năm sau mới kiểm toán. Do đó, việc đưa ra các kết luận, kiến nghị kiểm toán phù hợp với hiện tại chính là trách nhiệm của KTNN. Riêng vấn đề này, vai trò của KTNN cao hơn kiểm toán độc lập. Trong thực hiện dịch vụ kiểm toán, Deloitte luôn muốn sử dụng các dữ liệu trong quá khứ mang tính hậu kiểm để dự báo các rủi ro trong tương lai, từ đó đưa ra những khuyến nghị và đề xuất với khách hàng. Những rủi ro đó có thể là rủi ro về mặt kinh doanh, chính sách, pháp luật, thậm chí có thể đánh giá về hiệu quả sử dụng nguồn vốn, hiệu quả của dự án...■

Kiểm toán viên độc lập đối với việc phát hiện gian lận và sai sót trong kiểm toán báo cáo tài chính



TS. NGUYỄN ĐĂNG HUY

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với gian lận và sai sót theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

Khi thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, kiểm toán viên (KTV) chịu trách nhiệm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng, xét trên phương diện tổng thể, liệu báo cáo tài chính (BCTC) có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn hay không. Do những hạn chế vốn có của kiểm toán, có thể không thể tránh khỏi rủi ro là KTV không phát hiện được một số sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, kể cả khi cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Trong nền kinh tế thị trường, nhu cầu cho và nhận thông tin, đặc biệt các thông tin tài chính luôn giữ vai trò tối quan trọng để ra các quyết định kinh doanh. Tính minh bạch, tính trung thực của thông tin tài chính đóng vai trò lớn trong việc ổn định thị trường chứng khoán và ổn định xã hội.

Tại Việt Nam, các biện pháp kiểm toán đối với rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận ở cấp độ cơ sở dẫn liệu đã được đánh giá có thể bao gồm việc thay đổi nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán:

Thứ nhất, nội dung của các thủ tục kiểm toán sẽ thực hiện có thể cần thay đổi nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán phù hợp và đáng tin cậy hơn, hoặc để thu thập thêm các thông tin chứng thực bổ sung. Việc này có thể ảnh hưởng đến loại thủ tục kiểm toán và sự kết hợp giữa các loại thủ tục này. Ví dụ: việc quan sát hoặc kiểm tra thực tế một số tài sản có thể trở nên quan trọng hơn, hoặc KTV có thể chọn cách sử dụng các kỹ thuật kiểm toán được máy tính trợ giúp để thu thập nhiều bằng chứng hơn về các dữ liệu trong các tài khoản hoặc các tài liệu giao dịch điện tử quan trọng. KTV có thể thiết kế các thủ tục kiểm toán bổ sung nhằm thu thập thêm các thông tin chứng thực. Nếu KTV xác định được rằng ban giám đốc đang chịu áp lực để đạt được mục tiêu lợi nhuận, có thể có rủi ro là ban giám đốc đang ghi

nhận thừa doanh thu bằng cách ký kết các hợp đồng bán hàng có điều khoản cho phép ghi nhận doanh thu trước hoặc phát hành hóa đơn bán hàng trước khi giao hàng. Trong trường hợp này, KTV có thể thiết kế các xác nhận độc lập không chỉ xác nhận số dư mà còn xác nhận chi tiết và các hợp đồng bán hàng, bao gồm ngày ký, quyền trả lại hàng bán và điều khoản giao hàng. Ngoài ra, để bổ sung cho các xác nhận độc lập trên, KTV có thể phỏng vấn các nhân viên không thuộc phòng tài chính trong đơn vị về bất kỳ thay đổi nào trong các hợp đồng bán hàng và các điều khoản giao hàng.

Thứ hai, lịch trình thực hiện các thử nghiệm cơ bản có thể cần điều chỉnh lại. KTV có thể xác định rằng, việc thực hiện thử nghiệm cơ bản tại ngày hoặc gần ngày kết thúc kỳ báo cáo sẽ hiệu quả hơn đối với những rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận đã được đánh giá. KTV có thể kết luận rằng, do sai sót cố ý hoặc thao túng có chủ định đã được đánh giá, các thủ tục kiểm toán để suy rộng kết luận kiểm toán từ thời điểm giữa kỳ đến thời điểm cuối kỳ sẽ không hiệu quả. Ngược lại, do một sai sót cố ý (như sai sót liên quan đến việc ghi nhận doanh thu) có thể xuất phát từ giữa kỳ, KTV có thể lựa chọn áp dụng thử nghiệm cơ bản đối với các giao dịch phát sinh từ trước đó hoặc đối với các giao dịch phát sinh trong toàn bộ kỳ báo cáo.

Thứ ba, phạm vi các thủ tục được áp dụng tùy thuộc vào đánh giá của KTV đối với rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận. Ví dụ, việc tăng cỡ mẫu hoặc việc thực hiện các thủ tục phân tích chi tiết hơn có thể là cần thiết. Đồng thời, các kỹ thuật kiểm toán được máy tính trợ giúp có thể cho phép thực hiện thử nghiệm sâu hơn về các giao dịch và dữ liệu điện tử. Các kỹ thuật này có thể được sử dụng để chọn mẫu các giao dịch điện tử tài chính, phân loại các giao dịch với những đặc điểm cụ thể, hoặc để thử nghiệm toàn bộ tổng thể thay vì một mẫu. Nếu KTV phát hiện rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận ảnh hưởng đến số lượng hàng tồn kho,

việc kiểm tra sổ kế toán hàng tồn kho của đơn vị có thể giúp xác định địa điểm hoặc các khoản mục cần lưu ý đặc biệt trong hoặc sau khi kiểm kê hàng tồn kho. Việc rà soát này có thể dẫn đến quyết định thực hiện quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại một số địa điểm nhất định không được thông báo trước hoặc thực hiện kiểm kê hàng tồn kho tại toàn bộ các địa điểm vào cùng một thời điểm.

KTV có thể xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận ảnh hưởng đến một tài khoản và cơ sở dẫn liệu. Các tài khoản và cơ sở dẫn liệu này có thể bao gồm: đánh giá tài sản, các ước tính kế toán liên quan đến các giao dịch cụ thể (như các giao dịch mua lại, tái cơ cấu hoặc thanh lý một bộ phận kinh doanh) và các khoản nợ quan trọng khác đã phát sinh (như nghĩa vụ khắc phục ô nhiễm môi trường). Rủi ro cũng có thể liên quan đến những thay đổi lớn về các giả định liên quan đến các ước tính. Các thông tin thu thập được thông qua việc tìm hiểu đơn vị và môi trường hoạt động của đơn vị có thể giúp KTV đánh giá tính hợp lý của các ước tính kế toán và các xét đoán, giả định làm cơ sở cho ước tính của ban giám đốc.

Vì vậy, nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán độc lập, tăng cường trách nhiệm của KTV trong việc phát hiện gian lận và sai sót trên BCTC là một chủ đề mang tính thời sự nhằm nâng cao tính minh bạch, tính đáng tin cậy của thông tin tài chính trong việc ra các quyết định kinh tế.

Trách nhiệm của KTV đối với gian lận và sai sót theo chuẩn mực kiểm toán Hoa Kỳ (SAS)

Chuẩn mực kiểm toán SAS 99 - Xem xét gian lận trên BCTC đã được kiểm toán:

Về trách nhiệm chung của cuộc kiểm toán, Đoạn 1 của SAS 99 nêu rõ: “KTV có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được những đảm bảo hợp lý rằng BCTC có những sai lệch hoặc tồn tại gian lận và sai sót trọng yếu”. Về cơ bản, SAS 99 đề cập đến các nội dung chính sau:

Một là, định nghĩa đầy đủ hơn về gian lận và các đặc tính của gian lận.

Hai là, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp.

Ba là, yêu cầu cần có cuộc thảo luận trong nhóm kiểm toán về các rủi ro có gian lận và sai sót trên BCTC. Cuộc thảo luận này phải tập trung vào phân tích các khả năng xảy ra gian lận như:

- Do đâu mà các KTV tin rằng BCTC của khách hàng có thể gian lận;

- Các quản trị viên có thể dùng các phương thức nào để che giấu gian lận;

- Tài sản của công ty có thể thâm hụt ở những khâu nào.

Cuộc thảo luận như vậy luôn phải có sự xem xét kết hợp giữa các nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới công ty được kiểm toán, đó là:

- Các nhà quản trị viên có phải chịu áp lực hay có động lực nào để tiến hành gian lận hay không;

- Gian lận có thể bị che giấu ở đâu;

- Chỉ ra các yếu tố về môi trường và văn hóa công ty có thể khiến các nhà quản trị và các thành viên khác hợp lý hóa các gian lận mà họ gây ra.

Bốn là, cần tiến hành đánh giá rủi ro. Việc đánh giá rủi ro được tiến hành sau khi có hiểu biết về tình hình kinh doanh và kiểm soát nội bộ của DN. Thủ tục thu thập các thông tin cần thiết để xác định rủi ro do gian lận có tính chất trọng yếu gây ra là: phỏng vấn giám đốc và thành viên hội đồng quản trị; tìm hiểu kỹ những mối liên hệ bất bình thường hoặc trái với xét đoán ban đầu của kiểm toán. Xác định rủi ro do các gian lận có tính chất trọng yếu gây ra. Sau khi thu thập thông tin, KTV phải tìm hiểu những thông tin liên quan đến 3 nhân tố tạo điều kiện xảy ra gian lận: đó là động cơ - áp lực, cơ hội và thái độ.

Năm là, phản ứng KTV dựa trên kết quả đánh giá rủi ro. Các phản ứng có thể là: tham khảo ý kiến của các chuyên gia, tập trung vào các ước tính kế toán, các giao dịch không thường xuyên, các bút toán và các điều chỉnh, thay đổi nội dung của các thủ tục kiểm toán.

Sáu là, đánh giá các bằng chứng kiểm toán. Khi đánh giá tính thích hợp và đầy đủ của bằng chứng, KTV cần tập trung vào tính không đồng nhất, sự mâu thuẫn, sự bỏ sót trong ghi chép của kế toán. Ví dụ, các giao dịch không được ghi nhận vào hệ thống, không có các chứng từ kèm theo; những trở ngại từ phía nhà quản trị như việc từ chối không cho KTV xem xét sổ sách kế toán hay sự phàn nàn của nhà quản trị về nhóm kiểm toán, cố tình trì hoãn việc cung cấp thông tin hoặc không sẵn sàng hợp tác.

Bảy là, thông báo về các gian lận cho ban giám đốc, hội đồng quản trị và các cơ quan hữu quan khác.

Tám là, lập hồ sơ kiểm toán về quá trình xem xét các gian lận.

Có thể thấy rằng, với các nội dung kể trên thì SAS 99 đã chi phối tới toàn bộ quá trình kiểm toán, từ giai đoạn lập kế hoạch tới thực hiện và kết thúc cuộc kiểm toán.

SAS 96 - Hồ sơ kiểm toán:

Chuẩn mực này quy định rõ KTV phải lập hồ sơ tất cả các yếu tố được xem xét, bắt đầu từ khi tiến hành các thủ tục phân tích cho đến khi KTV có kết luận sơ bộ hay có những phỏng đoán về rủi ro có thể có gian lận và sai sót.

SAS 56 - Thủ tục phân tích:

Thủ tục này được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của một cuộc kiểm toán. Nhìn chung, SAS 56 khá tương đồng với chuẩn mực quốc tế ISA 520. Ngoài những nội dung tương tự chuẩn mực quốc tế về thủ tục phân tích, SAS 56 nhấn mạnh một số dấu hiệu có thể cho thấy khả năng phát sinh gian lận như:

- Một số tỷ số bất thường giữa Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Ví dụ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện doanh thu và lợi nhuận tăng nhưng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lại không phản ánh khả năng tạo ra tiền;

- Thông tin về hàng tồn kho, tài khoản phải trả nhà cung cấp, doanh thu bán hàng hay giá vốn bán hàng của các niên độ trước với niên độ kế toán hiện tại không nhất quán với nhau thường là dấu hiệu của hàng tồn kho bị mất cắp bởi vì nhân viên thực hiện gian lận thường không có khả năng sửa đổi tất cả các tài khoản này;

- Những mối quan hệ không thể giải thích được hoặc nằm ngoài dự đoán giữa số lượng hàng bán và khả năng sản xuất, hay thực tế sản xuất (thông tin thu thập được từ bộ phận sản xuất) có thể chỉ ra các dấu hiệu khai khống doanh thu.

Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Dựa trên các quy định pháp lý về kiểm toán và thực tiễn phát hiện gian lận và sai sót trong BCTC của Mỹ, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm tại Việt Nam khi xác lập các thủ tục kiểm toán cũng như trách nhiệm của KTV đối với việc gian lận trong cuộc kiểm toán BCTC:

Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm của KTV đối với gian lận và sai sót

Trong giai đoạn hiện nay, gian lận là hành vi thực hiện khá phổ biến và gây tác động rất lớn đến xã hội. Nếu cho rằng, chuẩn mực kiểm toán là

nguyên tắc cơ bản về nghiệp vụ thì việc không đưa ra yêu cầu tập trung gian lận và sai sót sẽ không buộc KTV phải tuân thủ vào các yêu cầu này. Do vậy, cần phải đưa ra yêu cầu nâng cao trách nhiệm KTV đối với gian lận và sai sót. Thực tế xu hướng của các quốc gia trên thế giới đều đã sửa đổi về quy định trách nhiệm của KTV đối với gian lận và sai sót theo hướng nâng cao trách nhiệm KTV đối với gian lận và sai sót.

Thứ hai, cập nhật thường xuyên các chuẩn mực kiểm toán trong đó có chuẩn mực liên quan gian lận và sai sót

Nghiên cứu hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế và chuẩn mực kiểm toán Hoa Kỳ cho thấy: từ khi ban hành lần đầu cho đến nay, các chuẩn mực luôn cập nhật để phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế. Chẳng hạn, từ SAS1 quy định về trách nhiệm của KTV đối với gian lận và sai sót, Hoa Kỳ đã sửa đổi bốn chuẩn mực này: SAS 16 năm 1977, SAS 53 năm 1989, SAS 82 năm 1997 và gần đây nhất là SAS 99 ban hành năm 2002 thay thế cho SAS 82. Chuẩn mực kiểm toán quốc tế ISA số 240 năm 1994 cũng được thay thế bởi SAS 240 ban hành năm 2004. Trong khi ở Việt Nam, VSA 240 ban hành năm 2001 vẫn dựa vào chuẩn mực quốc tế năm 1994. Do đó, việc cập nhật lại VAS 240 cho phù hợp với quốc tế và diễn biến gian lận diễn ra phức tạp thời gian qua là một yêu cầu khách quan.

Thứ ba, nên ban hành các hướng dẫn về thủ tục phát hiện gian lận

Gian lận là hành vi không thể triệt tiêu mà sẽ ngày càng phát triển với những phương thức tinh vi. Vì thế, để có thể giúp KTV hiểu rõ gian lận và thủ tục phát hiện gian lận, cần có một ủy ban chuyên nghiên cứu về vấn đề này và đưa ra các hướng dẫn chi tiết. Hoa Kỳ là quốc gia tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu về gian lận, họ đã thành lập Hiệp hội các nhà điều tra gian lận (ACFE) và thống kê các kỹ thuật gian lận phổ biến. Sự công bố các kết quả nghiên cứu như tổng kết về phương pháp thực hiện gian lận phổ biến và những dấu hiệu nhận diện gian lận. Dựa vào kết quả này, KTV có thể xác lập các thủ tục hợp lý nhằm phát hiện gian lận. Vì vậy, Hội KTV hành nghề Việt Nam nên có các công trình nghiên cứu cùng các hướng dẫn chi tiết nhằm giúp các KTV đưa ra các xét đoán nghề nghiệp sắc bén và thực hiện cuộc kiểm toán một cách hiệu quả. ■

Bài học kinh nghiệm từ cuộc kiểm toán thí điểm

 **Ths. NGÔ MINH KIỂM** - Kiểm toán Nhà nước

Năm 2016, KTNN đã thực hiện cuộc kiểm toán thí điểm áp dụng phương pháp kiểm toán tiếp cận đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu cho cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại Tổng công ty Vận tải Hà Nội. Cuộc kiểm toán thí điểm này nằm trong Chương trình dài hạn của ASEANSAT về thực hiện ISSAI (LTAPII) mà KTNN Việt Nam là thành viên tham gia từ năm 2015. Với đặc thù riêng, các đơn vị được kiểm toán do KTNN thực hiện thường có quy mô lớn, cơ cấu tổ chức phức tạp. Vì vậy, mặc dù đơn vị được lựa chọn là đơn vị có hoạt động kinh doanh tương đối đơn giản, phù hợp để thực hiện cuộc kiểm toán thí điểm, nhưng vẫn là đơn vị có đến 10 đơn vị phụ thuộc, 05 công ty con và một số công ty liên doanh, liên kết khác.

Những bài học kinh nghiệm

Qua thực tiễn kiểm toán, chúng tôi rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, thực hiện khảo sát, tìm hiểu về đơn vị được kiểm toán:

Trên cơ sở mẫu biểu của Chương trình LTAPII của KTNN Việt Nam, tổ khảo sát đã xây dựng mẫu biểu khảo sát đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với đặc điểm cuộc kiểm toán của KTNN Việt Nam. Các nội dung khảo sát chính bao gồm: thông tin về đơn vị được kiểm toán và hoạt động của đơn vị; thông tin về tình hình tài chính; thông tin

về hệ thống kiểm soát nội bộ và tình hình hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Hai là, phân tích thông tin để xác định rủi ro và đánh giá khả năng có sai sót trọng yếu đối với từng đơn vị thành viên cũng như toàn tổng công ty được kiểm toán là một khâu quan trọng trong việc lập kế hoạch kiểm toán;

Việc đánh giá rủi ro xuất phát từ việc nhận định rủi ro kinh doanh, như: môi trường kinh doanh; thị trường cạnh tranh; hoạt động mang tính thời vụ; công nghệ đặc thù có liên quan tới sản phẩm; nguồn cung cấp đầu vào; ảnh hưởng của các yếu tố pháp lý; ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài...;

Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, như: môi trường kiểm soát; tính đầy đủ và hiệu lực của bộ máy kiểm soát nội bộ; tính đầy đủ và hiệu lực của quy trình kiểm soát nội bộ; hoạt động của bộ máy kiểm soát nội bộ;

Phân tích tình hình tài chính, phân tích thông tin từ kết quả kiểm toán của các cuộc kiểm toán trước để làm cơ sở xác định các nội dung trọng yếu kiểm toán. Những nội dung lớn về quy mô hay xảy ra sai sót từ cuộc kiểm toán trước và các cuộc kiểm toán tương tự cùng loại hình.

Ba là, xác định trọng yếu trong kiểm toán BCTC.

Việc xác định trọng yếu được thực hiện trên cả hai khía cạnh:

định tính và định lượng. Trong đó, việc tính toán mức trọng yếu được thực hiện cho cả tổng công ty và từng đơn vị thành viên, ở cả cấp độ báo cáo tài chính và cơ sở dẫn liệu. Các chỉ tiêu được lựa chọn trên cơ sở tham khảo 4 công ty kiểm toán lớn tại Việt Nam.

Bốn là, trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu, kế hoạch kiểm toán tổng quát cho tổng công ty được xây dựng trước khi lập kế hoạch kiểm toán chi tiết tại các đơn vị thành viên, trong đó xác định: mục tiêu, nội dung, phạm vi, thời gian, phương pháp kiểm toán, thủ tục kiểm toán cho những nội dung, khoản mục trọng yếu...

Năm là, việc thực hiện cuộc kiểm toán tuân thủ triệt để kế hoạch kiểm toán tổng quát và các kế hoạch kiểm toán chi tiết. Do đơn vị được kiểm toán có cơ cấu tổ chức phức tạp, hoạt động kinh doanh đa dạng nên công tác quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm soát chất lượng của cuộc kiểm toán luôn được chú trọng ở cả 5 cấp độ: kiểm toán viên, tổ trưởng, trưởng đoàn, đơn vị chủ trì và lãnh đạo KTNN theo Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNN để đảm bảo tính thống nhất, đúng kế hoạch, thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán.

Sáu là, tổng hợp kết quả phát hiện kiểm toán, ước lượng, đánh giá sai sót tổng thể để đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các sai sót đáng kể, kiểm toán

viên phải thực hiện đánh giá các sai sót trên thuộc diện sai sót cá biệt, hay những sai sót mang tính phổ biến của mẫu chọn làm cơ sở cho việc suy rộng sai sót cho tổng thể.

Việc suy rộng các sai sót phát hiện trong mẫu kiểm toán cho tổng thể (không bao gồm các sai sót cá biệt) theo quy mô mẫu (sai sót suy rộng = sai sót phát hiện x quy mô tổng thể/quy mô mẫu); ước tính sai sót của tổng thể = sai sót suy rộng + sai sót cá biệt) và so sánh với mức trọng yếu để đưa ra kết luận.

Một số thách thức, khó khăn qua quá trình áp dụng thí điểm thực hiện kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu

KTNN chưa xây dựng được khung chính sách trong việc xác định mức trọng yếu kiểm toán; chưa có kinh nghiệm trong việc xác định mức trọng yếu kiểm toán.

Việc lựa chọn, tìm hiểu thông tin về đơn vị được kiểm toán theo yêu cầu của phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro còn gặp khó khăn do kiểm toán viên và các đơn vị được kiểm toán chưa quen thực hiện, dẫn đến mức độ cung cấp đầy đủ thông tin còn hạn chế, thời gian khảo sát, thu thập thông tin chậm.

Hiện nay, hệ thống chuẩn mực KTNN tuân thủ ISSAI đã được ban hành, trong đó có các chuẩn mực về đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, xác định trọng yếu và rủi ro kiểm toán, chọn mẫu kiểm toán... Tuy nhiên, KTNN cần có thời gian để đào tạo, tập huấn cho kiểm toán viên trong toàn ngành, đồng thời phải tiếp tục xây dựng, ban hành hướng dẫn áp dụng cụ thể cho các lĩnh vực kiểm toán; sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình, hướng dẫn kiểm toán phù hợp với chuẩn mực và phương pháp kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu.

Phát triển hoạt động kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu là xu thế tất yếu của KTNN. Một mặt thể hiện đúng bản chất nghiệp vụ kiểm toán, phù hợp với ISSAI, mặt khác nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm toán thông qua việc tập trung nguồn lực vào những bộ phận, nội dung trọng yếu, đảm bảo cho việc đưa ra ý kiến xác nhận tính trung thực, hợp lý, có cơ sở khoa học được sự công nhận của thế giới. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, KTNN sẽ tiếp tục thực hiện những nội dung theo lộ trình của Chiến lược 7, đẩy mạnh kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu, góp phần vào hiện đại hóa và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm toán. ■

Xây dựng nông thôn mới (NTM) là vấn đề quan trọng, có tác động trực tiếp đến sự phát triển chung của đất nước, được đầu tư lớn bằng nhiều nguồn vốn. Vốn ngân sách (trung ương và địa phương) khoảng 40%; nguồn vốn tín dụng, khoảng 30%; vốn đầu tư của DN, khoảng 20%; các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân trong xã; vốn huy động từ cộng đồng, khoảng 10% và các nguồn vốn hợp pháp khác. Hoạt động chính của Chương trình gồm: huy động vốn cho phát triển giao thông nông thôn; đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; huy động vốn để đầu tư phát triển hạ tầng; trợ giá cho nông nghiệp... Do vậy, hoạt động huy động vốn cho Chương trình có thể “hứng chịu” rủi ro. Việc nhận diện, đánh giá đúng về khả năng tồn tại, mức độ trọng yếu của các rủi ro sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước và chất lượng kiểm toán đối với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM.

Những rủi ro tiềm tàng

Rủi ro tuân thủ tỷ lệ/cơ cấu huy động của từng nguồn: là khả năng mà các địa phương thực hiện chương trình NTM không thể tuân thủ quy định của Nhà nước trong huy động vốn phục vụ xây dựng NTM theo tỷ lệ/cơ cấu từng nguồn trong tổng nguồn lực. Rủi ro này là do các nguồn vốn được huy động phục vụ Chương trình gồm nhiều nguồn khác nhau, nếu phân theo tiêu chí chủ thể thì sẽ có Nhà nước, DN và người dân; nếu phân theo chính sách thì sẽ có nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn tài trợ... Điều này dễ dẫn đến sự nhầm lẫn khi theo dõi nguồn vốn huy động. Ngoài ra, Chương trình còn chưa xây dựng tổng quy mô vốn huy động phục vụ xây dựng NTM, chỉ có cơ cấu huy động của từng nguồn cụ thể nên đã gây khó khăn cho các địa phương trong xác định cụ thể mức huy động của từng nguồn. Thực tế khảo sát cho thấy, trên 85% các xã đạt chuẩn NTM nhưng chưa đảm bảo sự tuân thủ tỷ lệ huy

Nhận diện rủi ro tiềm tàng trong huy động các nguồn lực tài chính cho Chương trình Xây dựng nông thôn mới



PGS.TS. LÊ HUY TRỌNG - Kiểm toán Nhà nước

Ths. LẠI HƯƠNG THẢO - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

động vốn của từng nguồn trong tổng nguồn lực.

Rủi ro phân tán nguồn lực: là rủi ro trong việc các địa phương sử dụng vốn một cách dàn trải, ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn. Mặc dù Quyết định số 800/QĐ-TTg đã nêu rõ một trong các hình thức huy động nguồn lực xây dựng NTM là lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu, dự án hỗ trợ trên địa bàn, tuy nhiên cho đến nay, vấn đề này vẫn chưa có những văn bản hướng dẫn cụ thể. Việc thực hiện các nội dung đầu tư có cùng mục tiêu trên thực tế mới chỉ ghép vốn một cách cơ học của các chương trình, dự án đầu tư. Thực tế, mức độ lồng ghép vốn giữa các địa phương đang rất khác nhau. Trong khi tỷ lệ vốn lồng ghép trên tổng vốn huy động 3 năm từ 2011-2013 của Đồng bằng sông Hồng đạt 12,86% thì vùng Đông Nam Bộ chỉ là 1,82%. Điều này dẫn đến khả năng các nguồn lực huy động của Nhà nước cho những chương trình xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội nói chung và NTM nói riêng bị phân tán.

Rủi ro trùng lặp nguồn lực: là rủi ro nhiều nguồn lực được sử dụng cho cùng hoạt động, gây lãng phí hay thất thoát vốn. Tại

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về NTM, nội dung chủ yếu của Chương trình xây dựng NTM được thể hiện qua 19 tiêu chí. Tuy nhiên, việc thực hiện các tiêu chí phù hợp với đặc điểm từng địa phương lại chưa có văn bản hướng dẫn nên nhiều địa phương chỉ chủ yếu tập trung nguồn lực vào đầu tư kết cấu hạ tầng, chưa coi trọng phát triển sản xuất, tái cơ cấu sản xuất – yếu tố then chốt tạo ra sự đột phá trong chuyển dịch kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó, rủi ro trùng lặp nguồn lực còn do Chương trình xây dựng NTM có một số nội dung trùng với các chương trình mục tiêu quốc gia và dự án hỗ trợ tại các địa phương. Chẳng hạn, nội dung xây dựng trụ sở xã trùng với Chương trình mục tiêu Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trụ sở UBND cấp xã...

Rủi ro lạm phát: là khả năng Chương trình gặp khó khăn trong huy động các nguồn vốn do lạm phát tăng cao. Nguồn lực tài chính phục vụ xây dựng Chương trình NTM được huy động từ nhiều nguồn vốn khác, trong đó nguồn vốn tín dụng, DN và dân

cư chiếm 60%. Thực tế, lạm phát có thể phá vỡ thị trường vốn của các tổ chức tín dụng, giảm lợi nhuận của DN cũng như mức độ tích lũy của người dân. Trong điều kiện lạm phát tăng cao, nguy cơ không huy động được đủ số vốn cần thiết để phục vụ Chương trình NTM là rất rõ ràng.

Bên cạnh đó, do phụ thuộc vào thời tiết, khí hậu và giá cả thị trường, nguồn vốn cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thường thiếu sự ổn định. Điều này cũng gia tăng khả năng Chương trình không huy động đủ nguồn lực cho việc thực hiện các hoạt động hoặc các hoạt động bị ngừng trệ.

Định hướng giải pháp kiểm soát rủi ro tiềm tàng

Để đảm bảo rủi ro của các cuộc kiểm toán Chương trình NTM chỉ ở mức độ cho phép, các kiểm toán viên cần đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động huy động vốn ở các địa phương được kiểm toán, từ đó lập kế hoạch kiểm toán phù hợp, xác định đúng khối lượng, phạm vi, quy mô cũng như kế hoạch về nhân sự, thời gian, chi phí nhằm đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán.

Ở góc độ quản lý Chương trình xây dựng NTM, nếu không có một hệ thống kiểm soát nội bộ

đủ mạnh nhằm ngăn ngừa những rủi ro tiềm tàng thì các rủi ro trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tính kinh tế, hiệu quả và sự hữu hiệu của Chương trình. Đặc biệt là trong thời điểm Chương trình NTM giai đoạn 2010-2015 đang được tổng kết nhằm triển khai hiệu quả hơn cho giai đoạn 2016-2020.

Các cơ quan quản lý có thể cân nhắc về việc xây dựng tổng quy mô vốn đầu tư cho xây dựng NTM dựa trên đặc điểm, điều kiện của từng địa phương. Khi đó, các địa phương sẽ có căn cứ pháp lý xác định mức huy động của từng nguồn cụ thể. Kinh nghiệm của Hàn Quốc khi xây dựng và phát triển mô hình Làng Mới những năm 1970 cho thấy, trong chính sách huy động nguồn lực tài chính quốc gia này thực hiện chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm. Cụ thể, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 51%, nguồn huy động từ dân là 49%, kèm theo đó là chính sách khuyến khích người dân đầu tư vào chương trình như một khoản tiết kiệm. Trong năm đầu tiên, Chính phủ thực hiện hỗ trợ cho 33.000 làng, mỗi làng 355 bao xi măng. Sang năm thứ hai, 16.600 làng có thành tích tốt được khen thưởng và được Chính phủ tăng mức hỗ trợ lên 500 bao xi măng cùng 1 tấn thép. Năm thứ ba, Chính phủ phân loại các làng theo trình độ phát triển và sự tham gia của người dân để chia thành các nhóm khác nhau với mức hỗ trợ từ Chính phủ cũng khác nhau.

Nhằm kiểm soát rủi ro phân tán, trùng lặp nguồn lực trong huy động vốn thực hiện Chương trình NTM, Chính phủ Thái Lan đã

khảo sát các địa phương để xây dựng thứ tự ưu tiên trong đầu tư từng vùng. Với những vùng còn nhiều khó khăn, sản xuất lạc hậu thì Chính phủ tập trung nguồn lực cho xây dựng hệ thống đường sá nhằm giúp người dân tiếp cận thị trường. Những vùng có sự tăng trưởng kinh tế ổn định thì tạo ra sự bứt phá thông qua đầu tư cho khoa học công nghệ nhằm tăng cường hiểu biết, hiện đại hóa nông nghiệp, tạo ra sự phát triển bền vững. Thái Lan là nước có điều kiện kinh tế xã hội khá giống Việt Nam, do vậy các cơ quan quản lý có thể cân nhắc việc học hỏi kinh nghiệm từ quốc gia này để hạn chế nguồn lực huy động phục vụ xây dựng NTM bị phân tán hay trùng lặp.

Muốn hạn chế rủi ro không huy động đủ vốn xây dựng NTM do lo ngại đầu tư vào lĩnh vực có rủi ro cao như nông nghiệp, nông thôn, nông dân, các cơ quan quản lý nhà nước cần có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức tín dụng, DN và người dân đầu tư vào lĩnh vực này thông qua chính sách trợ giá các sản phẩm đầu vào của quá trình sản xuất nông nghiệp và đảm bảo giá đầu ra của nông sản thông qua chuỗi giá trị ngành hàng. Các cơ quan quản lý cũng có thể tham khảo kinh nghiệm huy động vốn cho lĩnh vực nông nghiệp của một số nước có điều kiện tương tự Việt Nam như: Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc... Cụ thể, ở Thái Lan, để thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân vào lĩnh vực nông nghiệp, Chính phủ thực hiện trợ giá đối với các sản phẩm chủ lực như gạo, cao su, trái cây... với mức giá thu

mua cao hơn giá thị trường; ngoài ra người trồng còn nhận được các ưu đãi như: mua phân bón với giá thấp, miễn cước vận chuyển... Còn ở Hàn Quốc, để thu hút vốn của người dân vào xây dựng Chương trình Làng Mới, các hợp tác xã nông nghiệp ở làng thành lập “quỹ làng”. Trong khi hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng các sản phẩm nông nghiệp của làng, thì người dân có thể trở thành thành viên của hợp tác xã bằng cách mua cổ phần của hợp tác xã. Khi đã là thành viên của hợp tác xã thì người dân được hưởng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cho khoản tiền bỏ ra mua cổ phần hoặc chia lợi nhuận từ các hoạt động của hợp tác xã, ngoài ra sẽ được vay vốn từ “quỹ làng” để đầu tư cho sản xuất với lãi suất ưu đãi.

Cùng với đó, Chính phủ cũng cần rà soát lại các luật liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân để tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực tài chính phục vụ xây dựng NTM và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đồng thời, chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương quản lý việc sử dụng các nguồn vốn huy động cho chương trình đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, tiết kiệm và hiệu quả. KTNN có thể nghiên cứu trình Quốc hội về kế hoạch kiểm toán Chương trình xây dựng NTM cả trong và sau khi hoàn thành Chương trình ở từng giai đoạn, từ đó có những kiến nghị cần thiết nhằm cải tiến công tác huy động cũng như quản lý và sử dụng các nguồn lực được huy động cho Chương trình. ■

Khoảng trống và mâu thuẫn trong cơ chế tài chính đối với các ban quản lý xây dựng

 **TS. ĐẶNG ANH TUẤN - Kiểm toán Nhà nước**

Thông tư số 05/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/01/2014 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư quy định: ban quản lý dự án (QLDA) nhóm II sử dụng vốn NSNN và trái phiếu chính phủ được áp dụng cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên.

Hơn một năm sau, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2015 và Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ghi rõ: ban QLXD khu vực, ban QLXD chuyên ngành là tổ chức sự nghiệp công lập và hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên.

Theo đó, các ban QLXD là đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại quy chế tự chủ trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP. Điều kiện tự chủ là các đơn vị này phải đảm bảo được nguồn thu trong năm đầu tiên của thời kỳ ổn định. Nguồn thu chính của ban QLXD phụ thuộc vào nhiệm vụ quản lý dự án được cấp quyết định giao và số thu chủ yếu được trích theo định mức tỷ lệ hoặc lập dự toán

theo Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Việc tổ chức lại mô hình các ban QLXD như vậy một mặt góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả của các ban QLXD chuyên ngành, khu vực, nhưng mặt khác nó lại có thể tạo thêm gánh nặng về biên chế và ngân sách. Bởi lẽ trên thực tế, một số ban QLXD không đủ điều kiện sắp xếp lại thành các ban QLXD chuyên ngành hoặc khu vực, song cũng không thể giải thể hoặc sáp nhập vì vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ quản lý dự án. Do đó, các ban QLXD này vẫn tiếp tục được phép áp dụng cơ chế tự chủ tài chính như là đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo chi thường xuyên.

Những vấn đề nổi cộm trong quy chế sử dụng kinh phí quản lý đối với các ban QLXD là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính

Thực tiễn hoạt động kiểm toán kinh phí quản lý dự án của một số ban QLXD trong các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương đã cho thấy những vấn đề nổi cộm sau:

Khoảng trống trong hướng dẫn quy chế tài chính

Thông tư số 05/2014/TT-BTC góp phần tăng tính chủ động và

tự chịu trách nhiệm của ban QLXD nhóm II theo chủ trương phân cấp nhiều hơn cho các chủ đầu tư. Chủ trương này được quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 với nhiều hướng dẫn đã thay đổi theo hướng siết chặt hơn công tác quản lý dự án, đặc biệt các dự án sử dụng vốn NSNN. Ngày 25/3/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2015/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trong đó giao: "Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước".

Tuy nhiên, sau gần 2 năm thực hiện thay đổi, sắp xếp lại cơ cấu, tổ chức ban QLXD thành các ban QLXD chuyên ngành và khu vực theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính đối với các ban QLXD là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và các ban QLXD chưa đủ điều kiện là đơn vị sự nghiệp công lập. Hệ quả là, một số ban QLXD tiếp tục đề nghị áp dụng cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên để được



hường quyền tự chủ trong quyết định chi tiêu, tăng thu nhập nhưng không chắc có đảm bảo đủ nguồn thu được trích từ kinh phí quản lý dự án theo quy định.

Quay lại tình trạng cơ chế xin - cho

Thông tư số 05/2014/TT-BTC cho phép ban QLXD nhóm II được trích lập các quỹ, rút kinh phí quản lý dự án về tài khoản của ban và chi quỹ mà không chịu sự kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước; được chi thu nhập tăng thêm không quá ba lần; được quyết định mức chi thường xuyên phù hợp với quy chế chi tiêu nội bộ và có thể cao hơn so với quy định sau khi đã đề xuất lập, trình cấp thẩm quyền phương án tự chủ trong thời kỳ ổn định 3

năm. Tuy nhiên, Thông tư số 05/2014/TT-BTC và văn bản quy phạm pháp luật chưa có chế tài về trường hợp các ban QLXD không đảm bảo nguồn thu, nhất là nguồn kinh phí dự án trong thời gian thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án.

Thực tế hoạt động kiểm toán cho thấy, một số ban QLXD đã chuyển đổi mô hình hoạt động sang đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trong thời kỳ ổn định 3 năm. Tuy nhiên, các năm tiếp theo sau thời kỳ ổn định, do số lượng dự án được giao bổ sung thấp hơn mức bình quân trong các năm trước đó, tiến độ dự án chậm, kéo dài, khi Nhà nước thay đổi chế độ, chính sách tiền lương đối với công chức, viên

chức và người lao động thì nguồn thu đã không đủ đảm bảo chi thường xuyên. Để duy trì hoạt động trong các năm tiếp theo, những đơn vị này lại lập dự toán để xin cấp bổ sung kinh phí. Việc này dẫn tới tình trạng quay lại cơ chế xin - cho, mâu thuẫn với nguyên tắc và điều kiện của một đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

Nguyên nhân: khi được giao tự chủ, các ban QLXD thường phân bổ và rút kinh phí quản lý dự án cao hơn trong giai đoạn đầu thực hiện dự án, nhưng thấp hơn trong giai đoạn sau, đặc biệt là giai đoạn quyết toán dự án. Điều này vừa tạo áp lực lên cơ quan cấp trên để được giao thêm các dự án mới trong các năm tiếp theo, vừa để các ban QLDA

không phải chịu trách nhiệm về các quyết định chi tiêu của mình trong giai đoạn trước, nếu cấp trên không giao thêm nhiệm vụ quản lý dự án.

Mâu thuẫn trong các quy định

Tại khoản 2, Điều 3, Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định: Tổ chức sự nghiệp nhà nước là các tổ chức được thành lập và hoạt động để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước hoặc để thực hiện một số dịch vụ công. Điều 2, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định: Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước.

Như vậy, ban QLXD không thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, cũng không thực hiện một số dịch vụ công, nguồn kinh phí của ban QLXD được trích từ chi phí của các dự án được giao quản lý nên không phải là tổ chức sự nghiệp kinh tế như Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, khoản 1, Điều 4, Thông tư số 16/2016/TT-BXD quy định: “Ban QLXD chuyên ngành, khu vực do bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chủ tịch UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập theo quy định tại Điều 17, Điều 18 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP là tổ chức sự nghiệp công lập, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự

nh nghiệp công lập”.

Trường hợp thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP thì thu nhập của ban QLXD sẽ phải thực hiện theo cơ chế giá, phí dịch vụ sự nghiệp công. Thế nhưng, kinh phí của ban QLXD được tính từ tổng mức đầu tư dự án, thực chất là sử dụng vốn đầu tư công. Hơn nữa, với trường hợp đơn vị sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP thì ban QLXD sẽ được tự chủ về tổ chức bộ máy, về tài chính, bao gồm cả hoạt động vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết, chủ động xây dựng danh mục các dự án đầu tư... Điều này không phù hợp với quyền và nghĩa vụ của ban QLXD theo quy định tại Luật Xây dựng cũng như Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

Kiến nghị bổ sung, sửa đổi

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và Nghị định 59/2015/NĐ-CP đã quy định hình thức tổ chức quản lý dự án. Theo đó, cần gấp rút ban hành, sửa đổi cơ chế tài chính đối với các ban QLXD nhóm II tại Thông tư số 05/2014/TT-BTC. Đặc biệt là cần quy định cụ thể hơn điều kiện để các ban QLXD được áp dụng cơ chế tự chủ tài chính theo đúng nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của một đơn vị sự nghiệp công lập.

Thứ nhất, không nên quy định cứng nhắc ban QLXD chuyên ngành, khu vực là các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, vì thực tế tại nhiều địa phương, các ban QLXD không có đủ nguồn thu từ kinh phí quản lý

dự án hoặc từ hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn. Mặt khác, việc quản lý dự án không phải là quản lý nhà nước và cũng không hẳn là cung cấp dịch vụ công thuần túy do cá nhân và các tổ chức tư vấn ngoài nhà nước có thể và có khả năng thực hiện nhiệm vụ này;

Thứ hai, cần bổ sung tiêu chí về mức nguồn thu ngoài nguồn thu kinh phí quản lý dự án sử dụng vốn NSNN, vốn trái phiếu chính phủ để quyết định loại hình và cơ chế tự chủ. Tiêu chí này nên xây dựng theo hướng quy định mức thu khác ngoài nguồn thu được trích từ chi phí quản lý dự án tối thiểu phải bằng hoặc cao hơn mức trích lập các quỹ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên. Cũng có thể quy định nguồn thu ngoài kinh phí quản lý dự án phải đạt một tỷ lệ nhất định trong tổng số nguồn thu dự kiến của các ban QLXD;

Thông tư 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính đã hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư, bao gồm các ban QLXD. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành Thông tư này, các ban QLXD không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo chi thường xuyên nên hệ thống tài khoản kế toán quy định trong Thông tư chưa đầy đủ, thiếu các tài khoản theo dõi, ghi nhận việc trích lập các quỹ sự nghiệp, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ ổn định thu nhập... Vì vậy, cùng với những thay đổi trong mô hình tổ chức đối với các chủ đầu tư và ban QLXD, cần phải sửa đổi, bổ sung hướng dẫn chế độ kế toán hiện hành trên.■

Vai trò mới của nghề kế toán trong thời đại số hóa

 MINH ANH

Trong bối cảnh tin học hóa diễn ra mạnh mẽ, hầu hết DN đã sử dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian ghi chép các giao dịch kinh tế phát sinh tại đơn vị, vì thế, kỹ năng định khoản Nợ - Có trong công tác kế toán không còn được coi trọng. Người làm kế toán hiện nay được ví như một đầu bếp, sản phẩm của họ là các món ăn được chế biến công phu. Từ nguyên liệu ban đầu là các số liệu khô khan do bộ phận kỹ thuật, kinh doanh, nghiên cứu thị trường của đơn vị cung cấp, họ phải tổng hợp, phân tích và trình bày báo cáo tài chính thành thông tin có giá trị sử dụng cho việc ra quyết định kinh tế. Trước yêu cầu đó, người làm kế toán cần phải được trang bị những kỹ năng và kiến thức gì?

Người làm công tác kế toán không phải là người ghi chép sổ sách

Theo Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán - Bộ Tài chính, trước đây, kế toán chủ yếu là việc ghi chép (bookkeeping) các giao dịch kinh tế phát sinh tại đơn vị, bởi thế nhiệm vụ tổng hợp, phân tích thông tin và trình bày báo cáo tài chính chưa được coi là ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, do còn mang nặng yêu cầu quản lý nhà nước và xuất phát từ cách tiếp cận chính sách của nền kinh tế tập trung bao cấp nên kế toán được hướng đến mục đích đảm bảo số thu ngân sách hơn là phục vụ công tác quản trị, điều hành của chính DN. Chế độ kế toán hiện hành cũng chỉ coi trọng phương pháp ghi chép, lập các bút toán định khoản. Phương pháp kế toán chịu ảnh hưởng

nặng nề của các quy định về thuế; một số loại chứng từ kế toán, hệ thống sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán phải theo mẫu và quy trình bắt buộc. Chính những quan điểm đó đã khiến cho người làm công tác kế toán chưa nhận thức được vai trò tiên quyết của kế toán là phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành của chủ DN hay nhà đầu tư hơn là phục vụ mục đích thuế. Nói cách khác, người làm kế toán chưa thoát ra khỏi cái bóng của người ghi sổ.

Thực tế, đối với người làm công tác kế toán, việc ghi chép ban đầu trên sổ kế toán, việc tập hợp thông tin trên hóa đơn đầu vào cũng tương tự như người đầu bếp phân loại các thực phẩm trước khi chế biến. Sản phẩm cuối cùng là báo cáo tài chính với thông tin đã được chế biến

(sắp xếp, trình bày và tổng hợp) để phản ánh các giao dịch và sự kiện theo đúng bản chất kinh tế. Trên thực tế, thông tin tài chính ban đầu lại không xuất phát từ phòng kế toán mà đến từ các bộ phận kỹ thuật, kinh doanh, nghiên cứu thị trường, tổ chức... người làm kế toán phải căn cứ vào các thông tin thô (các số liệu khô khan chưa có ý nghĩa và chưa có giá trị sử dụng) được các bộ phận liên quan cung cấp để xử lý thành thông tin tài chính có giá trị sử dụng cho việc ra quyết định kinh tế. Công tác kế toán ngày nay phải hướng đến việc cung cấp thông tin tài chính hữu ích cho người sử dụng báo cáo tài chính nên người làm kế toán phải được trang bị các kỹ năng và kiến thức để lập và trình bày báo cáo tài chính một cách hợp lý và trung thực.

Trên bình diện quốc tế, Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế đã chuyển đổi tên gọi bộ chuẩn mực kế toán, từ Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) thành Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Việc đổi tên gọi này không chỉ là sự thay tên đổi họ một cách đơn thuần mà vấn đề cốt lõi là nhằm nhấn mạnh mục đích của chuẩn mực, đó là cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính chứ không phải là ghi chép kế toán.

Đừng để sinh viên kế toán trở thành những con robot chỉ thuộc lòng lý thuyết

Theo ông Trịnh Đức Vinh - Phó Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Bộ Tài chính - nhằm thực hiện lộ trình cải

cách kế toán ở Việt Nam từ nay đến năm 2025, việc xây dựng đề án đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán để đáp ứng các chuẩn mực, yêu cầu của khu vực ASEAN và quốc tế là trách nhiệm của 3 nhà: nhà hoạch định chính sách, nhà tuyển dụng và nhà trường.

Theo quan điểm của ông Vinh, kế toán không chỉ là Nợ - Có mà thực sự là một môn khoa học logic. Hiện nay, do hệ thống phần mềm kế toán đã hỗ trợ tối đa cho người làm kế toán trong quá trình lập các bút toán định khoản kế toán nên công việc này hầu như chỉ còn là nhập dữ liệu và đóng vai trò thứ yếu trong công tác kế toán. Người làm kế

toán giỏi phải biết cách chọn ra nguyên tắc kế toán phù hợp trong số chuẩn mực để vận dụng cho từng giao dịch và tình huống cụ thể.

Ông Vinh cũng thẳng thắn nêu quan điểm, việc đào tạo kế toán hiện nay đang đơn thuần theo hướng đưa ra cách thức là phải làm như thế nào mà không lý giải vì sao phải làm như vậy. Nếu người học chỉ được truyền thụ về cách làm thì dễ bị triệt tiêu sự sáng tạo và biến thành robot. Để phát huy năng lực của người học, người dạy cần phải truyền đạt cho họ đạo lý của vấn đề là gì, bản chất tài chính của các giao dịch kinh tế ra sao, từ đó mới quyết định cách thức giải quyết vấn đề. Nói cách khác, người học ngoài việc biết cách



làm như thế nào còn phải hiểu được tại sao cần làm như vậy, nếu không làm sẽ dẫn đến hậu quả gì và có phương án nào để xử lý tốt hơn không...

Bên cạnh đó, việc quá chú trọng đào tạo kế toán với mục đích kê khai và quyết toán thuế như hiện nay cũng cần phải xem xét. Bởi vì về cơ bản, nguyên tắc kê khai, quyết toán thuế không thường xuyên thay đổi nhưng các quy định chi tiết như thuế suất, các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thuế thu nhập DN... lại có thể thường xuyên thay đổi, thậm chí là thay đổi hàng năm. Nếu nhà trường tập trung vào việc đào tạo về kê khai, quyết toán thuế thì rất có khả năng những kiến thức đó sẽ bị lạc hậu khi sinh viên tốt nghiệp. Vì vậy, đối với sinh viên chuyên ngành kế toán, nhà trường chỉ cần đào tạo về nguyên lý và những kiến thức cơ bản về xử lý thuế.

Ông Vinh cho rằng, do yêu cầu của thực tế như vậy, các cơ sở đào tạo không nên tập trung vào hướng dẫn định khoản kế toán như hiện nay mà phải hướng đến đáp ứng yêu cầu cơ bản và xuyên suốt của kế toán là lập và trình bày báo cáo tài chính. Nhà trường cần cung cấp cho sinh viên kế toán phương pháp tư duy, phương pháp luận giải, xử lý vấn đề, thay vì bắt họ học thuộc lòng những bút toán định khoản khô khan. Từ đó, ông Vinh kêu gọi: “Nhà trường nên thực hiện phương châm đào tạo những gì xã hội cần hơn là đào tạo cái mình có, hãy chấm dứt phương pháp đào tạo theo kiểu “tầm chương trích cú”, đừng để sinh viên kế toán trở thành

những con robot chỉ thuộc lòng lý thuyết mà không biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn”.

Người làm kế toán ngày nay cần trang bị những gì?

Ông Vinh nêu ra 6 vấn đề về kỹ năng và kiến thức mà người làm kế toán cần được trang bị để đáp ứng yêu cầu của DN và xã hội hiện nay.

Thứ nhất, người làm kế toán cần am hiểu kiến thức về nguyên lý kế toán vì nguyên tắc này đóng vai trò quan trọng, xuyên suốt trong quá trình tác nghiệp tại đơn vị.

Thứ hai, do phương pháp kế toán là khách quan, chỉ bị ảnh hưởng bởi bản chất và cách thức vận hành của các giao dịch kinh tế nên người làm kế toán không chỉ đơn thuần là ghi chép sổ sách mà phải được trang bị kiến thức và có hiểu biết về các giao dịch kinh tế, tài chính. Do sự đa dạng của thực tiễn, nhiều giao dịch kinh tế phát sinh không được hướng dẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật nên người làm kế toán cần phải biết lựa chọn những nguyên tắc kế toán phù hợp để phản ánh giao dịch kinh tế phát sinh và vận dụng các nguyên tắc lý thuyết của chuẩn mực vào từng tình huống cụ thể của đơn vị.

Thứ ba, người làm kế toán phải hiểu được yêu cầu của người sử dụng báo cáo tài chính. Người làm kế toán cần biết cách lấy dữ liệu, tức là đưa ra yêu cầu cụ thể đối với các bộ phận liên quan như kỹ thuật, kinh doanh, chiến lược, thẩm định giá... để họ cung cấp dữ liệu theo đúng yêu cầu của việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thứ tư, khi đã có dữ liệu, người làm kế toán cần có các kỹ năng xử lý để trình bày trên báo cáo tài chính, biến các con số khô khan thành con số biết nói.

Thứ năm, nhiều quy định của chuẩn mực yêu cầu sử dụng các kỹ năng tính toán tài chính như tính dòng tiền chiết khấu, xác định giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi, ước tính tổn thất... Ngoài ra, do nhiệm vụ của kế toán là cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định quản lý của chủ DN nên người làm kế toán phải có kiến thức về tài chính, nắm được kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin tài chính quá khứ cũng như dự báo tương lai.

Thứ sáu, thực hiện nghĩa vụ với NSNN luôn là một nhiệm vụ không thể thiếu của DN, vì vậy, người làm kế toán phải có các kiến thức về kê khai và quyết toán thuế.

Tóm lại, trong bối cảnh hiện nay, đối với người làm kế toán, kỹ năng lập và trình bày báo cáo tài chính, sự hiểu biết về bản chất và cách thức vận hành của các giao dịch kinh tế đóng vai trò then chốt.

Ông Vinh cho biết, sắp tới, khi ban hành các chuẩn mực kế toán Việt Nam theo định hướng IFRS, Bộ Tài chính có thể sẽ không quy định chế độ kế toán chi tiết như hiện nay mà ban hành bộ hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán. Các bút toán định khoản quy định cứng nhắc như hiện tại chỉ để hướng dẫn và tham khảo chứ không còn là sự bắt buộc; số hiệu tài khoản kế toán cũng được xem xét giao cho DN tự đặt để phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị. ■

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Kết quả kiểm toán năm 2015: Thu ngân sách nhà nước vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế

 **THÙY LÊ**



Năm 2015, mặc dù thu NSNN cả nước vượt dự toán nhưng công tác thực hiện thu vẫn cho thấy nhiều vấn đề bất cập và hạn chế.

Theo Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2015 của KTNN, so với dự toán, thu NSNN trong năm này vượt 9,6%, đạt 998.217 tỷ đồng. Hầu hết các khoản thu đều đạt và vượt dự toán, chỉ còn 2 khoản thu không đạt chỉ tiêu là thu từ dầu thô (đạt 72,6% dự toán) và thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 99% dự toán). Thế nhưng, đây chính là 2 khoản thu có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện dự toán thu NSNN năm 2015. Ngoài vấn đề từ 2 khoản thu kể trên, KTNN còn chỉ ra một số hạn chế trong việc thực hiện thu, như: một số địa phương được giao dự toán thấp hơn so với khả năng thực hiện; tình trạng hạch toán và kê khai thiếu thuế GTGT, thuế thu nhập DN còn diễn ra

khá phổ biến; công tác quản lý thu, chống thất thu còn nhiều hạn chế; tổng nợ thuế vẫn tăng và nợ có khả năng thu giảm 2% so với năm 2014... Những hạn chế được KTNN chỉ ra một lần nữa cho thấy, quản lý thu và chống thất thu vẫn là vấn đề nan giải cho NSNN, đặc biệt là trong bối cảnh thu không đủ bù chi như hiện nay.

Dự toán không sát với thực tế

Theo Báo cáo kiểm toán của KTNN, dự toán thu cân đối NSNN năm 2015 được Quốc hội quyết định và Chính phủ giao là 911.100 tỷ đồng, trong đó: dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô và thu tiền sử dụng đất) là 599.600 tỷ đồng, nếu loại trừ tiếp thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại, dự toán thu nội địa là 561.549 tỷ đồng, bằng 114% so với ước thực hiện 2014; dự toán thu cân đối từ hoạt

động xuất nhập khẩu 175.000 tỷ đồng.

Tuy nhiên, KTNN đã chỉ ra rằng, tổng hợp dự toán thu NSNN do các địa phương lập chưa đảm bảo mức tăng bình quân tối thiểu theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng dự toán NSNN năm 2015 (thu nội địa không kể thu từ dầu thô và tiền sử dụng đất tăng 14-16%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 6-8%). Cụ thể, 53/63 địa phương lập dự toán thu nội địa thấp hơn 14%; 7 địa phương lập dự toán thấp hơn ước thực hiện năm 2014; 12/46 địa phương dự kiến chưa đầy đủ, bao quát hết nguồn thu trên địa bàn, như: Hải Phòng, Lai Châu, Trà Vinh, Hà Tĩnh, Sơn La, Đắk Lắk, Hà Nam, Quảng Nam, Gia Lai... Một số tỉnh được giao dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng dưới 5% so với ước thực hiện năm 2014 nhưng kết quả thực hiện lại vượt dự toán cao: tỉnh Thái Nguyên thực hiện vượt 61% so với dự toán, Đắk Nông thực hiện vượt 25%, Bến Tre vượt 21,1%, Gia Lai vượt 18,7%, Thái Bình thực hiện vượt 35,9...

Đối với dự toán hoàn thuế GTGT năm 2014, Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) đã xây dựng và giao dự toán không sát thực tế. Cụ thể, hai đơn vị trên đã đánh giá ước thực hiện dự toán hoàn thuế GTGT năm 2014 là 78.200 tỷ đồng, lấy đánh giá này làm cơ sở để xây dựng và giao dự toán hoàn thuế GTGT năm 2015 là 85.000 tỷ đồng. Trong khi đó, KTNN xác định số thuế phải hoàn trong năm 2014 là 88.152 tỷ đồng, đó là chưa tính đến hơn 9.750 tỷ đồng phải hoàn cho các quyết định năm 2014 vẫn chưa được giao dự toán, dẫn đến việc Tổng cục Thuế phải trình Bộ Tài chính cho ứng trước dự toán hoàn thuế năm 2016 để chi hoàn thuế GTGT năm 2015. Đồng thời, các quyết định hoàn thuế năm 2015 sẽ phải chuyển sang năm 2016 để hoàn thuế do thiếu nguồn gần 5.848 tỷ đồng. Ngoài ra, KTNN còn phát hiện việc ứng trước dự toán nêu trên chưa được Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ và Khoản 5, Điều 2, Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội.

Bên cạnh đó, kết quả kiểm toán còn cho thấy, một số Bộ, cơ quan trung ương lập dự toán phí, lệ phí thấp hơn số thông báo của Bộ Tài chính, cụ thể như: Bộ Giáo dục và Đào tạo thu học phí, lệ phí lập thấp hơn 3,9%; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

và Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam không lập dự toán thu hoặc lập chưa đầy đủ; Bộ Tài chính lập dự toán số thu học phí thấp hơn 77,3 tỷ đồng...

Tình trạng thất thu thuế vẫn phổ biến

Cũng theo KTNN, tình trạng hạch toán, kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu thuế GTGT, thuế thu nhập DN và lợi nhuận phải nộp NSNN... vẫn diễn ra khá phổ biến tại các đơn vị được kiểm toán. Tổng hợp từ 276 báo cáo kiểm toán tại 204 đơn vị, KTNN đã xác định số phải nộp NSNN tăng thêm gần 11.365 tỷ đồng, trong đó một số đơn vị có kiến nghị nộp với số tiền lớn như: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nộp 2.054 tỷ đồng, Tổng công ty Thương mại Sài Gòn nộp 1.755 tỷ đồng, Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn nộp 1.264 tỷ đồng... Qua kết quả đối chiếu 1.653 người nộp thuế, KTNN đã kiến nghị các khoản phải nộp NSNN tăng thêm gần 2.051 tỷ đồng, trong đó có DN phải nộp tăng thêm 882 tỷ đồng. Cá biệt, KTNN đã chuyển hồ sơ của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dầu khí Hoàng Ngân sang cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật do phát hiện một số giao dịch mua bán lớn bất thường, có dấu hiệu mua bán hóa đơn.

Một số cục, chi cục thuế chưa quản lý hết các DN, hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh nhưng chưa đăng ký thuế, lập thiếu bộ thuế môn bài (Cà Mau, Bạc Liêu, Quảng Nam); chưa thực hiện xử phạt hoặc xử phạt chưa đầy đủ đối với các trường hợp chậm nộp hồ sơ khai thuế (Cần Thơ, Tiền Giang, Quảng Ninh, Quảng Nam, Đắk Nông, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum, thành phố Vũng Tàu...).

Ngoài ra, một số cục thuế không hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế đã được giao. Kết quả chọn mẫu kiểm tra hồ sơ thanh tra, kiểm tra thuế cho thấy, còn rất nhiều hạn chế trong hoạt động thanh tra, kiểm tra từ hồ sơ, mẫu biểu, nội dung, phạm vi đến kết quả xử lý sai phạm. Đặc biệt, có cơ quan thuế còn xử lý kết quả thanh, kiểm tra không phù hợp quy định của pháp luật; truy thu thiếu thuế; tính thiếu tiền chậm nộp; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế qua kết quả thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ.

KTNN cũng đã đánh giá, công tác quản lý thu tiền thuê mặt đất còn nhiều hạn chế, sai sót. Cụ thể, các đơn vị như Cục Thuế tỉnh Tiền Giang, Trà Vinh,

Hải Dương, Nam Định, Long An... cho thuê đất đã hết thời kỳ ổn định giá thuê nhưng chưa điều chỉnh lại đơn giá thu tiền thuê đất; xác định đơn giá tiền thuê đất chưa đúng quy định làm giảm thu NSNN. Hay như tại tỉnh Phú Thọ, việc chưa điều chỉnh đơn giá thuê đất trong khu công nghiệp cho Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp theo quy định đã dẫn đến thất thu ngân sách 9,4 tỷ đồng. Có trường hợp như Cục Thuế tỉnh Hà Nam xác định miễn giảm tiền thuê đất đối với DN không đúng quy định, có khả năng gây thất thu NSNN 91,99 tỷ đồng; xác định thời điểm miễn tiền thuê đất không đúng quy định cho Dự án nhà máy Phốt pho của Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang trong khu Công nghiệp Tăng Loong, Tỉnh Lào Cai; một số đơn vị sử dụng đất vào mục đích kinh doanh nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho thuê đất hoặc chưa ký hợp đồng thuê đất (Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội 88.800m², Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội 59.898m²; Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước trên 9.600 m²...).

Ngoài ra, KTNN còn xác định hàng loạt sai phạm trong quản lý thu tiền thuê mặt nước, cụ thể như: chưa thực hiện thu tiền thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ đối với các lô mỏ do Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam quản lý thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tính tiền thuê mặt nước đối với Liên doanh Vietsopetro chưa đúng quy định 97,5 tỷ đồng...

Quy mô nợ thuế tiếp tục tăng

Tính đến 31/12/2015, tổng số nợ thuế do ngành thuế quản lý là hơn 79.200 tỷ đồng, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, nợ có khả năng thu giảm 2%, 31/63 địa phương có mức dư nợ có khả năng thu giảm, cụ thể như: TP.HCM giảm 16% (tương đương trên 2.539 tỷ đồng); tỉnh Sóc Trăng giảm 88% (gần 266 tỷ đồng); thành phố Đà Nẵng giảm 26% (gần 446 tỷ đồng); tỉnh Phú Thọ giảm 74% (hơn 327 tỷ đồng)... Nợ khó thu tăng 42%, 56/63 địa phương có mức dư nợ khó thu tăng, điển hình như: TP.HCM tăng 52% (1.882 tỷ đồng), TP.Hà Nội tăng 25% (532,4 tỷ đồng), tỉnh Quảng Nam tăng 392% (482,6 tỷ đồng), Phú Thọ tăng 172% (gần 242 tỷ đồng), Bắc Kạn tăng 702% (54 tỷ đồng), Yên Bái tăng 713% (hơn 122 tỷ đồng)...

Với những con số nêu trên, KTNN đánh giá, mặc dù tỷ trọng nợ thuế so với thu nội địa năm

2015 giảm (năm 2012 là 12%, năm 2013 là 12,4%, năm 2014 là 12,98%, năm 2015 là 10,75%) nhưng xét về quy mô, nợ thuế vẫn tiếp tục tăng qua các năm. Cuối năm 2015, có 40/63 địa phương tăng nợ thuế so với cùng kỳ năm 2014. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, một số DN còn chây ỳ, không nộp thuế đúng hạn, để nợ thuế kéo dài, có những trường hợp kinh doanh thua lỗ đã tự giải thể, phá sản, bỏ khỏi địa chỉ sản xuất..., nợ thuế tăng còn do một số cục và chi cục thuế thực hiện không triệt để các biện pháp cưỡng chế theo quy định.

Ngoài ra, KTNN cũng đã xác định công tác phân loại nợ thuế còn thiếu cơ sở, thiếu căn cứ và bằng chứng; 23/46 cục thuế địa phương tổng hợp chưa đầy đủ số liệu nợ đọng thuế 1.618 tỷ đồng.

Đối với nợ thuế do ngành hải quan quản lý, nợ thuế quá hạn tính đến 31/12/2015 là gần 6.530 tỷ đồng, giảm 8,18% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó: nợ quá hạn về thuế chuyên thu giảm 9,5% (470,4 tỷ đồng); nợ có khả năng thu giảm 56%, tương ứng 741 tỷ đồng. Theo thống kê của KTNN, 23/34 cục hải quan có số nợ thuế chuyên thu giảm (Cục Hải quan Hà Tĩnh giảm gần 82%, Hải Phòng giảm 13%, Bà Rịa - Vũng Tàu giảm hơn 41%...); 11/34 cục hải quan có số nợ đọng thuế chuyên thu tăng.

Qua Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2015, KTNN kiến nghị tăng thu hơn 11.365 tỷ đồng; trong đó, tăng thu NSNN gần 11.253 tỷ đồng, bao gồm: thuế nội địa hơn 3.381 tỷ đồng; thuế xuất nhập khẩu 2,6 tỷ đồng; phí, lệ phí 17,3 tỷ đồng; tiền sử dụng đất hơn 529 tỷ đồng...; tăng thu không thuộc NSNN hơn 112 tỷ đồng. Các khoản nợ đọng phát hiện tăng thêm hơn 1.569 tỷ đồng, cụ thể: nợ đọng thuế gần 136 tỷ đồng; nợ tiền sử dụng đất gần 1.000 tỷ đồng; nợ khác 434 tỷ đồng. Các khoản phải nộp, hoàn trả và quản lý qua NSNN 9.104 tỷ đồng, trong đó thu hồi các khoản cho vay, tạm ứng sai quy định hơn 40 tỷ đồng; xử lý nộp NSNN các khoản tạm thu, tạm giữ đã quá hạn 1.836 tỷ đồng; các khoản ghi thu - ghi chi NSNN 7,7 tỷ đồng. KTNN cũng đề nghị Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán thu cân đối NSNN năm 2015 với số tiền 1.291.342 tỷ đồng; đồng thời đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị của KTNN.■

IRBA thực hiện nhiều biện pháp cải thiện hoạt động kiểm toán

 **THANH XUYỀN**

Vừa qua, sau khi xem xét hoạt động của 20 hãng kiểm toán và 237 cuộc kiểm toán tiêu biểu, Cơ quan Kiểm soát kiểm toán viên (IRBA) Nam Phi đã công bố Báo cáo thanh tra khu vực công năm 2016, phản ánh các kết quả kiểm tra chính được ghi nhận trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/3/2016.



IRBA được thành lập để bảo vệ lợi ích tài chính công, bằng cách đảm bảo cho các kiểm toán viên và các hãng kiểm toán hoạt động theo đúng pháp luật, cung cấp các dịch vụ có chất lượng cao nhất, đồng thời phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức, thực hiện có hiệu quả hệ thống chuẩn mực quốc tế, từ đó thúc đẩy nghề nghiệp kế toán, kiểm toán phát triển. Là một cơ quan quản lý chuyên nghiệp mang tầm quốc tế về lĩnh vực kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo khác tại Nam Phi, IRBA đã được Diễn đàn Kinh tế thế giới công nhận là tổ chức hàng đầu trong công tác quản lý lĩnh vực kiểm toán trong 7 năm liên tiếp.

Tập trung nguồn lực để thanh tra các hoạt động kiểm toán

Báo cáo thanh tra năm 2016

của IRBA đã đưa đánh giá tích cực khi cho rằng những phát hiện kiểm toán trọng yếu đang ngày càng tăng. Cụ thể là, 15% trên tổng số những cuộc kiểm toán được khảo sát (do các hãng kiểm toán lớn thực hiện) có ít nhất một phát hiện kiểm toán quan trọng. Đặc biệt, trong những cuộc kiểm toán do các hãng kiểm toán lớn tham gia với vai trò đối tác, có tới 14% cuộc sở hữu ít nhất một phát hiện kiểm toán trọng yếu. Năm 2015, con số này chỉ chiếm 6%.

Tuy nhiên, Báo cáo thanh tra cũng chỉ ra một số kết quả chưa được cải thiện so với năm 2015, điển hình là số lượng các cuộc kiểm toán không đạt yêu cầu của các hãng kiểm toán lớn tăng 27%; số cuộc kiểm toán không đạt yêu cầu có sự hợp tác của các hãng kiểm toán trên với tư cách là đối tác tăng tới 50%. Điều này phản

ánh thực trạng một số hãng kiểm toán đang ngày càng coi nhẹ chất lượng hoạt động kiểm toán.

Giám đốc kiểm soát IRBA Imre Nagy cho biết: “IRBA đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tăng cường năng lực và nâng cao trình độ chuyên môn, tập trung nguồn lực để thanh tra hoạt động kiểm toán đối với các tổ chức công nhằm đảm bảo lợi ích công và giảm thiểu rủi ro ở mức tối đa. Quy mô lớn và sự phức tạp của các cuộc kiểm toán đòi hỏi các hãng kiểm toán cũng như cơ quan quản lý cần đầu tư thời gian, nguồn lực nhiều hơn. Số lượng các cuộc kiểm tra có thể được tiến hành ít hơn, tuy nhiên chất lượng sẽ sâu và kỹ lưỡng. Thực tế cho thấy, mặc dù số cuộc kiểm tra năm 2016 được tiến hành ít hơn so với năm 2015, nhưng tỷ lệ các phát hiện kiểm toán trọng yếu đã tăng tới 41%”.

Theo ông Bernard Agulhas - Giám đốc điều hành của IRBA - kiểm toán là một trong số ít ngành nghề luôn phải song hành cùng công tác thanh tra thường xuyên. Công tác kiểm tra cũng như việc đảm bảo thực hiện đúng mọi quy định không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì các tiêu chuẩn cao nhất mà còn giúp công chúng và các nhà đầu tư có niềm tin vào hoạt động kiểm toán, từ đó kích thích hoạt động đầu tư, tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tiến hành thanh tra các hãng kiểm toán, mục đích của IRBA là nhằm đánh giá hoạt động và hiệu quả từ các chính sách kiểm soát chất lượng của các công ty này. Quá trình kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực kiểm toán mang tính rủi ro cao hoặc những lĩnh vực mà khi sai sót thì có thể gây ra những nguy cơ nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích công. Các hãng kiểm toán chính là những người có khả năng ngăn chặn rủi ro một cách kịp thời bằng cách phát hiện những sai phạm và đưa ra khuyến nghị phù hợp nhất.

IRBA cũng tập trung xem xét, đánh giá trách nhiệm, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, vấn đề đạo đức của bộ phận lãnh đạo các hãng kiểm toán. Trong báo cáo của mình, IRBA đã nhấn mạnh 2 vấn đề đáng quan ngại trong hoạt động của các hãng kiểm toán thời gian gần đây, gồm: sự thiếu liên kết chặt chẽ giữa các phương pháp hoạt động của từng hãng kiểm toán với các chuẩn mực quốc tế và sự thiếu hụt tính hoài nghi chuyên nghiệp trong nội bộ các hãng kiểm toán

trên toàn cầu.

Tháng 3/2017, Diễn đàn quốc tế các nhà kiểm soát kiểm toán độc lập (IFIAR) với hơn 50 thành viên trong đó có Nam Phi cũng đã tiến hành một cuộc khảo sát thường niên trên phạm vi toàn cầu đối với các hãng kiểm toán và chất lượng các cuộc kiểm toán của họ. Cuộc khảo sát cho thấy sự thiếu thống nhất trong việc thực hiện các cuộc kiểm toán chất lượng cao, đồng thời chỉ ra việc cần phải tiếp tục củng cố, cải tiến hệ thống kiểm soát chất lượng của các hãng kiểm toán.

IRBA sẽ áp dụng Quy trình hành động khắc phục hậu quả

Năm 2013, Ngân hàng Thế giới (WB) cũng công bố Báo cáo tình hình tuân thủ các chuẩn mực và nguyên tắc (ROSC), trong đó đưa ra nhiều khuyến nghị đáng quan tâm. Ông Nagy cho biết, để thực hiện các khuyến nghị của WB và giải quyết những vấn đề sau cuộc thanh tra vừa qua, IRBA đã thực hiện các biện pháp ngày càng mạnh mẽ nhằm thúc đẩy các kiểm toán viên nhận thức được rằng, nhiệm vụ của họ là thực hiện những cuộc kiểm toán đạt chất lượng cao nhất, đưa ra những báo cáo kiểm toán đáng tin cậy nhất, cập nhật những thông tin tài chính hữu ích nhất.

IRBA đang lên kế hoạch áp dụng Quy trình hành động khắc phục hậu quả nhằm tham gia thường xuyên hơn với các hãng kiểm toán, các cơ quan quản lý, giám sát lĩnh vực kiểm toán; cùng chỉ ra những thiếu sót trong chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng của các hãng kiểm

toán. Kế hoạch này được coi là một bước tiến xa đối với hoạt động của IRBA, trong khi vẫn đảm bảo tính độc lập của tổ chức. Quy trình hành động khắc phục hậu quả là một phần trong cam kết của IRBA nhằm đảm bảo rằng, các kiểm toán viên hành nghề cũng như các hãng kiểm toán phải xác định và giải quyết nguyên nhân gốc rễ của những thiếu sót kiểm toán đã được quá trình thanh tra chỉ ra.

Để thúc đẩy việc không ngừng nâng cao chất lượng kiểm toán và củng cố niềm tin của các nhà đầu tư, IRBA đã khuyến khích đội ngũ kiểm toán viên chủ động tham gia vào quy trình giám sát thường xuyên một cách tích cực nhất, đồng thời có trách nhiệm hơn đối với chất lượng các cuộc kiểm toán. IRBA cũng đã làm việc, thảo luận với 72% số kiểm toán viên nhận được kết quả thanh tra không đạt yêu cầu trong năm qua, cùng tìm hiểu nguyên nhân gốc rễ của vấn đề và lên kế hoạch khắc phục kịp thời.

Ngoài ra, các kiểm toán viên, các hãng kiểm toán phải đưa ra một kế hoạch hành động khắc phục hậu quả và cam kết giải quyết tất cả các sai sót kiểm toán bị phát hiện.

Mặc dù việc đảm bảo công tác kiểm toán đạt chất lượng cao nhất là trách nhiệm chính của kiểm toán viên, IRBA vẫn cam kết sẽ nỗ lực hết mình để thu hút sự quan tâm, hợp tác của các bên liên quan khác vào công cuộc cải thiện chất lượng kiểm toán, đó là các cơ quan quản lý, ủy ban kiểm toán, các kiểm toán viên nội bộ, chuyên gia, chuyên viên tư vấn, quản lý...■

(Theo IRBA và tổng hợp)

Chùm thơ NGUYỄN SĨ ĐẠI

Lá xanh

Người vá trời lấp bể
Kẻ đắp lũy xây thành
Ta chỉ là chiếc lá
Việc của mình là xanh

Một đời người quá ngắn

Một đời người quá ngắn
Một ngày sao quá dài
Bao nhiêu Sao Hôm lặn
Chẳng mọc thành Sao Mai

Chẳng nhớ phồn hoa, chỉ nhớ làng

Bao nhiêu năm tháng, bao công việc
Ngoảnh nhìn như một cuộc vui chơi
Biết Nhàn, càng thấy đời tươi đẹp
Bỏ Dục, lòng thêm được thanh thoi!

Ta đã ước mơ và đã chạm
Cùng trời cuối đất với nhân gian
Tóc bay mây trắng nghìn năm cũ
Chẳng nhớ phồn hoa, chỉ nhớ làng!

Sưu tầm...

Hai con hổ

Có hai con hổ, một con ở trong chuồng, một con nơi hoang dã.

Hai con hổ đều cho rằng hoàn cảnh của bản thân mình không tốt, đôi bên đều ngưỡng mộ đối phương, thế nên chúng quyết định đổi thân phận cho nhau. Lúc mới bắt đầu, cả hai đều vô cùng vui vẻ, nhưng không lâu sau đó, cả hai con hổ đều chết: một con vì đói mà chết, một con u sầu mà chết.

Nhiều khi bạn vẫn nhắm mắt làm ngơ đối với hạnh phúc của chính bản thân mình và luôn để mắt đến hạnh phúc của những người khác. Thật ra, những gì mà bạn đang có chính là những điều mà người khác phải ngưỡng vọng.

Hoa khô không xinh đẹp

Các sinh viên nữ công khai bỏ phiếu bầu chọn hoa khô của lớp. Tiểu Mai là người có dung mạo bình thường nhưng cô đã đứng lên nói với mọi người rằng: “Nếu như tôi được chọn, qua vài năm sau, các chị em ngồi ở đây có thể tự hào mà nói với chồng của mình: hồi học đại học, em còn xinh đẹp hơn cả hoa khô trong lớp cơ đấy!” Kết quả là cô ấy đã được bầu chọn với số phiếu gần như tuyệt đối.

Thuyết phục người khác ủng hộ bạn, không nhất định là phải chứng minh rằng bạn xuất sắc hơn họ. Nhiều khi cần phải để cho người đó biết là chính bạn sẽ làm cho họ trở nên ưu tú và vượt trội.

(Theo Tiểu Thiệu/ cmoney)